CÔNG TY CP KASATI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
---oOo---	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2026/NQ-HĐQT	---oOo---

TP.HCM, Ngày 23 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Hội đồng quản trị ngày 23 tháng 03 năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Hội đồng quản trị Công ty CP Kasati số 02/2026/BB-HĐQT ngày 23/03/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Kasati với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH2025/ KH2025	TH2025/ TH2024
1	Doanh thu	Triệu VND	450.755	493.510	703.045	142,46%	155,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	13.006	13.900	14.404	103,63%	110,75%
	Lợi nhuận	Triệu	10.338	11.120	11.141	100,19%	107,77%

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 10, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302826473
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.24 15:15:44+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3	sau thuế	VND					
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu VND	67.368	67.368	67.665	100,44%	100,44%
5	Vốn cổ phần	Triệu VND	59.920	59.920	59.920	100,00%	100,00%
6	LNTT/Doanh thu	%	2,89%	2,82%	2,05%	72,74%	71,01%
7	LNST/Vốn CSH	%	15,35%	16,51%	16,46%	99,75%	107,29%
8	LNST/Vốn cổ phần	%	17,25%	18,56%	18,59%	100,19%	107,77%
9	Cổ tức	%	10,94%	11,84%	11,84%	100,00%	108,23%
10	Quỹ lương	Triệu VND	22.563	25.000	24.388	97,55%	108,09%
11	Đầu tư TSCĐ	Triệu VND	-	3.600	1.622	45,06%	

Điều 2: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Kasati với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2026	TH 2025	KH2026/ TH2025
1	Doanh thu	Triệu VNĐ	775.000	703.045	110,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	15.850	14.404	110,04%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	12.300	11.141	110,40%
4	Vốn CSH	Triệu VNĐ	71.021	67.665	104,96%
5	Vốn cổ phần	Triệu VNĐ	59.920	59.920	100,00%
6	LNST/Vốn CSH	%	17,32%	16,46%	105,19%
7	LNST/Vốn cổ phần	%	20,53%	18,59%	110,40%
8	Cổ tức	%	12,00%	11,84%	101,35%
9	Quỹ lương	Triệu VNĐ	28.000	24.388	114,81%
10	Đầu tư	Triệu VNĐ	4.000	1.622	246,61%

Điều 3: Thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Kasati:

- Ngày dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Kasati: 17/04/2026;
- Địa điểm họp: Hội trường trụ sở chính Công ty Cổ phần Kasati, 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM;
- Nội dung họp dự kiến:

(1) Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026;

(2) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;

(3) Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị và của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025;

(4) Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025;

(5) Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;

(6) Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh;

(7) Thông qua việc bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2026-2031 của Công ty Cổ phần KASATI.

(8) Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

(9) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chi tiết Báo cáo đính kèm.

Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Kasati bao gồm nhưng không giới hạn: Nội dung, Chương trình, Tài liệu họp và tất cả các vấn đề liên quan đến tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định/điều chỉnh các nội dung liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ.

Điều 4: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI ★ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

Nơi nhận:

- *Như điều 4;*
- *Ban Kiểm soát;*
- *Lưu.*

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

Tel: 028. 3865 5343 Fax: 028. 3865 2487

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP KASATI NĂM 2026
(Ngày 17/04/2026)

THÁNG 04/2026

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI	
2	THƯ MỜI VÀ GIẤY ỦY QUYỀN	
3	TỜ TRÌNH THÔNG QUA QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐHĐCĐ 2026	
4	BÁO CÁO SXKD, ĐẦU TƯ 2025, KẾ HOẠCH SXKD 2026	
5	BCTC 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN (TRÍCH MỘT PHẦN)	
6	TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2025, 2026	
7	BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP	
8	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025	
9	TỜ TRÌNH LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN	
10	TỜ TRÌNH THÙ LAO HĐQT VÀ BKS	
11	TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HĐQT, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS	
12	TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN KINH DOANH, THAM DỰ THẦU, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	
13	DỰ THẢO QUY CHẾ BẦU CỬ HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2026-2031	
14	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2026	
15	MẪU THẺ BIỂU QUYẾT	

CÔNG TY CP KASATI
---oOo---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

CHƯƠNG TRÌNH
KỲ HỌP THƯỜNG NIÊN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI NĂM 2026

Thời gian: làm việc một buổi (từ 8h00 đến 12h00) ngày 17/04/2026
Địa điểm: Hội trường Công ty, số 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM

THỜI GIAN		NỘI DUNG
08h00 –08h20	1	Đăng ký danh sách đại biểu
08h20– 10h45	2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
	3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
	4	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Đoàn chủ tọa, chương trình Đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội
	5	Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2025; Kế hoạch SXKD, đầu tư 2026
	6	Thông qua tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận (PPLN) năm 2025, dự kiến kế hoạch PPLN năm 2026
	7	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị và của từng thành viên HĐQT trong năm 2025
	8	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025
	9	Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026
	10	Thông qua Tờ trình Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh
	11	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của BKS
	12	Thông qua Tờ trình về phương án kinh doanh, tham dự thầu, ký kết hợp đồng
	13	Danh sách đề cử, ứng cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031
	14	Thông qua Ban bầu cử, Quy chế bầu cử; Hướng dẫn bầu cử; Bầu cử
10h45 -11h00	15	Nghỉ giải lao
11h00 -12h00	16	Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo
	17	Công bố kết quả bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031
	18	HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2026-2031 ra mắt Đại hội
	19	Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội
12h00	20	Bế mạc

KASATI

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

---oOo---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2026

THƯ MỜI HỌP

"VỀ VIỆC THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026"

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Họ và tên cổ đông: .....

Số cổ phần sở hữu: .....

Số phiếu biểu quyết (01 cổ phần tương đương với 01 phiếu biểu quyết): .....

HĐQT Công ty Cổ phần KASATI trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

1. Thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội:

- Thời gian tổ chức Đại hội: 8h00 Thứ Sáu, ngày 17/04/2026 (01 buổi)
- Địa điểm: Hội trường trụ sở chính Công ty, 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM.

2. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty theo danh sách chốt ngày 13/03/2026.

3. Nội dung Đại hội:

Thảo luận và thông qua: (1) Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026; (2) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026; (3) Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị và của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025; (4) Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025; (5) Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026; (6) Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh; (7) Thông qua việc bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2026-2031 của Công ty Cổ phần KASATI; (8) Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; (10) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Đăng ký tham dự Đại hội:

- Để Đại hội thành công tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông tham dự đại hội vui lòng đăng ký xác nhận tham dự hoặc gửi Giấy ủy quyền về Công ty trước ngày 17/04/2026 bằng các hình thức sau:
  - Gửi chuyển phát nhanh (Công ty CP Kasati; 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM);
  - E-mail: oanhhtk@kasati.com.vn
- Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: Chị Oanh: 028.38666903/0935.232.558 hoặc Chị Hồng: 028.38655343 – ext: 0, 233/0919.35.1414

5. Ghi chú:

5.1 Tài liệu đính kèm thư mời:

- Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

5.2 Đề nghị Quý cổ đông lưu ý:

- Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền tới tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD, Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự).
- Tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được đăng trên website của Công ty: www.kasati.com.vn

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Kính gửi: **Công ty Cổ phần KASATI**

1. Bên ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức:.....

CCCD/GPĐKKD số:..... ngày cấp .....nơi cấp .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Là cổ đông sở hữu:.....cổ phần mệnh giá 10.000đ/1CP.

2. Bên được ủy quyền:

Tên cá nhân:.....

CCCD số:.....ngày cấp .....nơi cấp .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần được ủy quyền: .....cổ phần mệnh giá 10.000đ/1CP.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền thực hiện việc tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần KASATI ngày 17/04/2026 và đại diện bên ủy quyền phát biểu, biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội nêu trên tương ứng với số cổ phần được ủy quyền. Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Bên ủy quyền cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty Cổ phần KASATI; đồng thời, cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại gì đối với Quý Công ty về việc ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Quý Công ty.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
+ Để công tác tổ chức Đại hội được chuẩn bị chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông gửi chuyển phát hoặc gửi mail bản scan màu Giấy ủy quyền về Công ty trước ngày 17/04/2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần KASATI.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông và đại diện uỷ quyền của cổ đông khi tham gia dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả cổ đông Công ty CP KASATI là pháp nhân và thể nhân theo danh sách chốt ngày 13/03/2026 và đại diện ủy quyền hợp lệ của cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và đại diện uỷ quyền của cổ đông khi tham gia dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tới tham dự Đại hội cần mang theo giấy mời họp, chứng minh thư hoặc hộ chiếu, giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội được nhận 1 Thẻ biểu quyết có ghi mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó.

Giá trị của thẻ biểu quyết mà cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng nhau thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung đúng vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lắp. Cổ đông và/hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung phát biểu vào phiếu câu hỏi chuyển cho Ban thư ký Đại hội.

e. Cổ đông và/hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP KASATI.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông và người được ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội có mặt sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn chủ tọa

1. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự Đại hội.

b. Hướng dẫn các Đại biểu tham dự Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và các nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do HĐQT quyết định.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp theo danh sách đã chốt ngày 13/03/2026; phát các tài liệu và thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa cử.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Công bố dự thảo Biên bản và nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các Đại biểu tham dự đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.

b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và/ hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đại diện từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 13/03/2026.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông và người được ủy quyền đến tham dự Đại hội phải ăn mặc trang phục lịch sự, nghiêm túc.
2. Cổ đông và người được ủy quyền đến tham dự Đại hội khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đã quy định. Tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc Đại hội diễn ra. Tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc để ở chế độ im lặng.

Điều 11. Các thức tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội

1. Tất cả các nội dung của Đại hội trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi Mã số cổ đông, Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty CP KASATI.
2. Cổ đông và các đại diện ủy quyền biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết để biểu quyết theo các nội dung "Tán thành; Không tán thành, hoặc Không có ý kiến". Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết có ghi số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

1. Biên bản và Nghị quyết của Dại hội phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được lưu giữ tại Công ty CP KASATI.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 (bốn) Chương và 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

CÔNG TY CP KASATI
---oOo---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Công ty Cổ phần KASATI báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

1.1 Tình hình thực hiện SXKD năm 2025 (đã qua kiểm toán):

Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty (theo báo cáo tài chính đã qua kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025) tóm tắt như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH2025/KH2025	TH2025/TH2024
1	Doanh thu	Triệu VND	450.755	493.510	703.045	142,46%	155,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	13.006	13.900	14.404	103,63%	110,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	10.338	11.120	11.141	100,19%	107,77%
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu VND	67.368	67.368	67.665	100,44%	100,44%
5	Vốn cổ phần	Triệu VND	59.920	59.920	59.920	100,00%	100,00%
6	LNTT/Doanh thu	%	2,89%	2,82%	2,05%	72,74%	71,01%
7	LNST/Vốn CSH	%	15,35%	16,51%	16,46%	99,75%	107,29%
8	LNST/Vốn cổ phần	%	17,25%	18,56%	18,59%	100,19%	107,77%
9	Cổ tức	%	10,94%	11,84%	11,84%	100,00%	108,23%
10	Quỹ lương	Triệu VND	22.563	25.000	24.388	97,55%	108,09%
11	Đầu tư TSCĐ	Triệu VND	-	3.600	1.622	45,06%	

1.2 Đánh giá tình hình SXKD trong năm 2025

1.2.1 Về sản xuất kinh doanh

Năm 2025 là năm hoạt động sản xuất thành công của Công ty. Doanh thu năm 2025 toàn Công ty đạt 703.045 triệu đồng bằng 142,46% so với kế hoạch và bằng 155,97% so với năm 2024. Doanh thu vượt mức kế hoạch đề ra chủ yếu là do trong năm thực hiện được dự án lớn về 5G trên 314 tỷ.

Các hoạt động SXKD chính yếu của Công ty trong năm 2025 vẫn tiếp tục duy trì bao gồm: (1) Các dịch vụ như khảo sát, thiết kế, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu, đo kiểm cho mạng di động và mạng truyền dẫn; (2) Xây dựng cơ sở hạ tầng và (3) Cung cấp thiết bị ngành viễn thông, trong đó lần đầu tiên Công ty triển khai thành công 1 hợp đồng có giá trị lớn trên 314 tỷ giúp Công ty có thêm năng lực tham gia các dự án lớn sau này.

Các khách hàng chính của Công ty trong năm cũng không có nhiều thay đổi gồm (1) các nhà mạng như: Mobifone, Vinaphone, Viettel, (2) các vendor lớn như: Ericsson, Huawei và (3) Một số viễn thông tỉnh thành. Trong năm 2025, với nhà mạng Viettel Công ty vẫn chưa thể triển khai được dự án nào, các Viễn thông tỉnh thành cũng không có nhiều dự án, công trình giá trị lớn, với nhà mạng Mobifone Công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam và đã thực hiện được hoàn thành dự án viba biển đảo tại Tổng công ty, tập trung chính yếu vẫn là Tập đoàn VNPT. Tuy nhiên, năm 2025 Công ty tiếp tục duy trì là reseller của đối tác Huawei trong các mảng ManE, DWDM, OLT... tại VNPT, và lần đầu tiên là reseller của Huawei mảng thiết bị vô tuyến 5G tại VNPT, Partner của Ericsson mảng core tại VNPT, từ đó giúp công ty có những hợp đồng giá trị lớn.

Về cơ cấu doanh thu 2025: Hoạt động lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu, đo kiểm, core đạt 104.804 triệu đồng (bằng 174,67% so với kế hoạch và bằng 58,41% so với 2024). Doanh thu thương mại đạt 568.705 triệu đồng bằng 141,29% so với kế hoạch và bằng 236,28% so với năm 2024- chủ yếu đến từ hoạt động mua bán thiết bị 5G, doanh thu các hoạt động khác duy trì gần bằng kế hoạch.

Bảng tổng hợp doanh thu theo lĩnh vực 2025: (triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH 2024	TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
1	Lắp đặt, bảo dưỡng, tối ưu, đo kiểm…	Triệu VND	60.000	104.804	179.415	174,67%	58,41%
2	Thương mại	Triệu VND	402.510	568.312	240.693	141,19%	236,11%
3	Khác	Triệu VND	31.000	29.929	30.647	96,55%	97,66%
	Tổng		**493.510**	**703.045**	**450.755**	**142,46%**	**155,97%**
	Trong đó, doanh thu ngoài VNPT		114.476	84.669	95.658	73,96%	88,51%

Trong tổng doanh thu hơn 703 tỷ thì doanh thu ngoài VNPT đạt gần 85 tỷ chiếm tỷ trọng 12,04% trong tổng doanh thu, doanh thu trong VNPT chiếm tỷ trọng 87,96%. Như vậy trong năm qua bù lại không có nhiều doanh thu ở nhà mạng Mobifone, Viettel thì Công ty có được một số dự án lớn tại VNPT.

Lợi nhuận trước thuế đạt 14.404 triệu đồng bằng 103,63% so với kế hoạch và 110.75% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 11.141 triệu đồng bằng 100,19% so với kế hoạch và bằng 107,77% so với 2024. Mặc dầu doanh thu tăng nhiều tuy nhiên chủ yếu là hoạt động thương mại nên tỷ lệ biên lợi nhuận rất thấp.

Về quỹ lương Công ty đã kiểm soát tăng tương ứng nhưng thấp hơn tốc độ tăng lợi nhuận nhằm đảm bảo kết quả tốt nhất cho các cổ đông, quỹ lương thực hiện 2025 đạt 24.388 triệu đồng bằng 97,55% so với kế hoạch và bằng 108,09% so với 2024.

Về cổ tức, công ty dự kiến chi 11,84% bằng 100,00% so với kế hoạch và bằng 108,23% so với 2024. Như vậy so với số vốn cổ phần ban đầu thì Công ty dự kiến chi cổ tức 23,68%.

Dự kiến phân phối lợi nhuận 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	+/-	Ghi chú
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**11.120.000.000**	**11.141.475.855**	**100,19%**	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	688.804.677	690.134.953	100,19%	Theo tỷ lệ đạt LNST, bằng tỷ lệ 2024
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.336.643.643	3.356.789.222	100,60%	30,12% LNST
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ**	**7.094.551.680**	**7.094.551.680**	**100,00%**	
6	Vốn cổ phần	59.920.200.000	59.920.200.000	100,00%	
7	**Tỷ lệ cổ tức**	**11,84%**	**11,84%**	**100,00%**	
8	Cổ tức phân phối dự kiến:	7.094.551.680	7.094.551.680	100,00%	
9	Lợi nhuận giữ lại	-	-		

Hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh:

Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	So với KH	So với 2024
Doanh thu					
Trụ sở HCM	448.500	664.883	405.773	148,25%	163,86%
CN HN	35.000	27.517	26.912	78,62%	102,25%
CN ĐN	10.000	10.645	18.070	106,45%	58,91%
Cộng	**493.500**	**703.045**	**450.755**	**142,46%**	**155,97%**
Lợi nhuận trước thuế					
Trụ sở HCM	12.350	14.117	10.124	114,31%	139,44%
CN HN	1.250	244	1.733	19,52%	14,08%
CN ĐN	300	43	1.149	14,33%	3,74%
Cộng	**13.900**	**14.404**	**13.006**	**103,63%**	**110,75%**

Các Chi nhánh không có kết quả kinh doanh như kế hoạch. Chi nhánh tại Hà Nội năm 2025 có doanh thu đạt 27.517 triệu đồng, bằng 78,62% so với kế hoạch, và bằng 102,25% so với 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 244 triệu đồng bằng 19,52% so với kế hoạch và chỉ bằng 14,08% so với 2024, lợi nhuận không đạt chủ yếu do doanh thu không đạt kế hoạch đề ra.

Chi nhánh Đà Nẵng năm 2025 cũng không đạt kết quả đề ra, doanh thu đạt 10.645 triệu đồng bằng 106,45% so với kế hoạch và bằng 58,91% so với năm 2024. Kết quả kinh doanh đạt lợi nhuận trước thuế chỉ 43 triệu đồng bằng 14,33% so với kế hoạch, nguyên nhân do giá vốn tăng cao so dự toán.

Trụ sở chính HCM doanh thu đạt 664.883 triệu đồng, bằng 148,25% so với kế hoạch, và bằng 163,86% so với 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 14.117 triệu đồng bằng 114,31% so với kế hoạch và bằng 139,44% so với 2024.

Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty liên kết-Kasaco:

Đơn vị-Kasaco	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	So với KH	So với 2024
Doanh thu	200.000	234.298	208.667	117,15%	112,28%
Lợi nhuận trước thuế	2.000	987	588	49,35%	167,86%
Lợi nhuận sau thuế	1.600	737	436	46,06%	169,04%

Công ty Cổ phần KASACO (Công ty KASATI chiếm 49% vốn, tương ứng 4,9 tỷ đồng) hoạt động chính yếu là dịch vụ chăm sóc khách hàng, cho thuê nhân sự cho các nhà mạng và các công ty bán lẻ. Trong năm doanh thu đạt 234.298 triệu đồng đạt 117,15% so với kế hoạch và bằng 112,28% so với 2024. Doanh thu tăng nhiều do các khoản chi hộ cho khách hàng từ các Trung tâm Kinh doanh nhưng lợi nhuận không tăng tương ứng do tính lợi nhuận trên đầu người. Lợi nhuận trước thuế đạt 987 triệu bằng 49,35% so với kế hoạch và bằng 167,86% so với 2024. Trong năm 2025 không có đầu tư, không chi thù lao HĐQT. Kết quả kinh doanh có tốt hơn một ít so với 2024 tuy nhiên vẫn đạt rất thấp so với kế hoạch. Hoạt động kinh doanh nhìn chung vẫn có hướng phát triển đi lên nhưng không nhiều.

1.2.2 Về tài chính

Thực hiện đến 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 359.625 triệu đồng bằng 165.41% so với 2024 (217.402 triệu đồng), nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty không bao gồm lợi nhuận chưa phân phối năm nay là 67.665 triệu đồng bằng 104,8% so với 2024 (64.565tr), trong đó vốn điều lệ là 59.920,2 triệu đồng.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ năm 2025 của Công ty là 18,59% tăng 7,7% so với 2024 (đạt 17,25%) do tăng trưởng lợi nhuận.

Tính đến 31/12/2025 công nợ khó đòi còn 323 triệu đồng, đã dự phòng 100%, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng thu hồi toàn bộ trong năm 2026.

Tổng giá trị hàng tồn kho lỗi thời khoản 4.601 triệu đồng, tính đến 31/12/2025 Công ty đã dự phòng được 4.596 triệu đồng (tỷ lệ 99,89%).

Về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn có tăng lên so với năm 2024, chủ yếu là do tăng lên các khoản phải thu từ Tập đoàn VNPT do trong năm các dự án lớn đã triển khai chưa đến hạn thu tiền.

Như vậy đến 31/12/2025, tình hình tài chính Công ty khá lành mạnh, không còn khoản rủi ro tiềm tàng về tài chính. Các chỉ số tài chính đều tốt hơn năm 2024

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	+/-
1. Cơ cấu tài sản:				
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	2,65%	3,86%	-31,37%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	97,35%	96,14%	1,26%
2. Cơ cấu vốn:				
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	77,31%	64,26%	20,31%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,69%	35,74%	-36,51%
3. Khả năng thanh toán:				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,24	1,42	-12,48%
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,26	1,50	-15,83%
4. Tỷ suất sinh lời:				
- Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	2,05%	2,89%	-29,00%
- Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	1,58%	2,29%	-30,91%
- Lợi nhuận ST/Vốn góp	%	18,59%	17,25%	7,77%
- Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	%	16,46%	15,35%	7,29%

1.2.3 Tình hình nhân sự

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	So với KH	So với 2024
Quỹ lương	**25.000**	**24.388**	**22.563**	**97,6%**	**108,1%**
Trụ sở chính	21.530	21.062	19.280	97,8%	109,2%
Hà Nội	1.725	1.922	1.568	111,4%	122,6%
Đà Nẵng	1.745	1.404	1.715	80,5%	81,9%
Nhân sự	**90**	**89**	**82**	**98,9%**	**108,5%**
Trụ sở chính	70	70	66	100,0%	106,1%
Hà Nội	10	11	8	110,0%	137,5%
Đà Nẵng	10	8	8	80,0%	100,0%
Chi phí lương bình quân/tháng	**23,15**	**22,84**	**22,93**	**98,6%**	**99,6%**
Trụ sở chính	25,63	25,07	24,34	97,8%	103,0%
Hà Nội	14,38	14,56	16,33	101,3%	89,1%
Đà Nẵng	14,54	14,63	17,86	100,6%	81,9%
Thu nhập bình quân	**19,68**	**20,26**	**16,05**	**103,0%**	**126,2%**
Trụ sở chính	21,79	22,00	17,16	101,0%	128,2%
Hà Nội	12,22	14,50	11,89	118,7%	122,0%
Đà Nẵng	12,36	12,90	10,93	104,4%	118,0%

Năm 2025, Nhân sự toàn Công ty trung bình 89 người, tăng 7 người so với năm 2024. Tuy nhiên so với kế hoạch vẫn chưa tuyển dụng đủ do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Quỹ lương thực hiện 2025: 24.388 triệu đồng bằng 97,6% so với kế hoạch và bằng 108,10% so với 2024. Tuy nhiên, thu nhập người lao động cũng tăng cao đạt trung bình 20,26tr/người/tháng bằng 103,0% so với kế hoạch và bằng 126,2% so với 2024. Thu nhập bình quân cao hơn là do một phần quỹ lương 2024 được chi vào năm 2025.

Các chế độ chính sách phúc lợi vẫn thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật cũng như các quy định, quy chế của công ty.

1.2.4 Tình hình đầu tư

Năm 2025, tình hình thực hiện đầu tư như sau:

STT	Hạng mục	Trị giá đầu tư phê duyệt	Thực hiện	+/-	Ghi chú
1	Thiết bị đo, máy móc khác, phục vụ SXKD	2.000.000.000	0	(2.000.000.000)	
2	Xe ô tô	1.600.000.000	1.622.000.000	22.000.000	
	Tổng cộng	**3.600.000.000**	**1.622.000.000**	**(1.978.000.000)**	

Trong năm 2025, Công ty đã đầu tư mua mới 1 xe ô tô với giá trị 1.622 triệu, về hệ thống PCCC Công ty cũng đã tiến hành đầu tư mới với giá trị gần 2.000 tr, tuy nhiên đến 31/12/2025 vẫn chưa hoàn tất nên chưa ghi nhận vào báo cáo.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

2.1 Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch SXKD 2026

Từ các khảo sát, phân tích chung về môi trường vĩ mô, môi trường ngành năm 2026 cũng là một năm có nhiều thách thức đối với công ty tuy nhiên cũng có nhiều cơ hội kinh doanh trên cơ sở các nhà mạng đang tiến hành đầu tư mạnh vào 5G.

Trên cơ sở các số liệu thực hiện kế hoạch năm 2025, các dự án và công trình đang và sẽ tiếp tục triển khai; các phân tích về lợi thế cạnh tranh, nguồn lực và khả năng của Công ty, Công ty CP KASATI xây dựng kế hoạch năm 2026 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2026:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2026	TH 2025	KH2026/ TH2025
1	Doanh thu	Triệu VNĐ	775.000	703.045	110,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	15.850	14.404	110,04%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	12.300	11.141	110,40%
4	Vốn CSH	Triệu VNĐ	71.021	67.665	104,96%
5	Vốn cổ phần	Triệu VNĐ	59.920	59.920	100,00%
6	LNST/Vốn CSH	%	17,32%	16,46%	105,19%
7	LNST/Vốn cổ phần	%	20,53%	18,59%	110,40%
8	Cổ tức	%	12,00%	11,84%	101,35%
9	Quỹ lương	Triệu VNĐ	28.000	24.388	114,81%
10	Đầu tư	Triệu VNĐ	4.000	1.622	246,61%

Năm 2026 mặc dầu được đánh giá là năm sẽ khởi sắc của nền kinh tế, tuy nhiên hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức. Công ty sau khi xem xét, nỗ lực hết sức xây dựng kế hoạch năm 2026 với doanh thu: 775 tỷ đồng tăng 10,23% so với 2025, lợi nhuận trước thuế 15,85 tỷ đồng (bằng 110,04% so với 2025), sau thuế 12,300 tỷ đồng (bằng 110,40 % so với 2025). Kế hoạch này cũng là một sự nỗ lực rất lớn của toàn bộ CBCNV công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Về cổ tức so với năm 2026 thì tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức sẽ là 12% bằng 101,35% với 2025 (11,84%).

Về quỹ lương kế hoạch đặt ra 28.000 triệu đồng trên cở sở nhằm nâng mức thu nhập trung bình của CBCNV lên 22 triệu đồng/người/tháng nhằm tiếp cận dần với mức của thị trường.

2.2 Kế hoạch đầu tư 2026

Công ty dự kiến ngân sách đầu tư 2026 như sau:

STT	Hạng mục	Trị giá đầu tư	Ghi chú
1	Thiết bị đo, máy móc khác, phục vụ SXKD	2.000.000.000 đ	
2	Hệ thống PCC	2.000.000.000 đ	
	Tổng cộng	**4.000.000.000 đ**	

- Máy móc thiết bị chủ yếu phục vụ cho việc triển khai 4G, 5G trong thời gian tới, hệ thống PCCC toà nhà và các tài sản khác khi có nhu cầu.

Trong quá trình hoạt động SXKD năm 2026, nếu có nhu cầu cần thiết phải phát sinh thêm hoạt động đầu tư, công ty sẽ trình ĐHĐCĐ bằng văn bản.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty CP KASATI.

Kính trình HĐQT Công ty xem xét.

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	08 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Tô Hoài Văn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Vũ Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Phước Hiền	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Bà Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng ban
Ông Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên
Ông Lê Xuân Bách	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Triệu Phước	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Phước Hiền – giữ chức vụ Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 4 năm 2025 và từ ngày này giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Phước Hiền đã ủy quyền cho ông Nguyễn Long ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 33/UQ-KST ngày 24 tháng 4 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Long
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Số: 014 /VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kasati

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (dưới đây gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

M.S.C.N: 0102546856-002-C.T.T.N.H.H. CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Thạch	**Nguyễn Thị Thu Hiền**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1822-2023-156-1	Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4262-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**350.030.274.314**	**209.004.385.592**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**77.357.131.157**	**44.713.438.322**
1. Tiền	111		4.689.042.426	14.896.878.380
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.668.088.731	29.816.559.942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	5	**1.760.659.908**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.760.659.908	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**265.419.890.723**	**153.758.346.761**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	243.379.156.657	118.496.783.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.495.192	558.980.183
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	22.285.385.820	35.175.647.698
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(323.146.946)	(473.064.446)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**4.229.865.143**	**10.440.765.267**
1. Hàng tồn kho	141	8	9.146.984.476	18.010.931.404
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	8	(4.917.119.333)	(7.570.166.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.262.727.383**	**91.835.242**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	73.928.040	73.645.853
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.117.197.163	18.189.389
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	71.602.180	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**9.595.310.791**	**8.397.621.532**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**62.196.750**	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	62.196.750	-
II. Tài sản cố định	**220**		**4.053.891.538**	**2.990.288.306**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.907.823.797	2.907.079.006
- Nguyên giá	*222*		*43.004.174.382*	*41.666.955.229*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(39.096.350.585)*	*(38.759.876.223)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	146.067.741	83.209.300
- Nguyên giá	*228*		*1.032.865.959*	*911.885.959*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(886.798.218)*	*(828.676.659)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5	**4.900.000.000**	**4.900.000.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.900.000.000	4.900.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**579.222.503**	**507.333.226**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	579.222.503	507.333.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**359.625.585.105**	**217.402.007.124**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**278.016.329.491**	**139.695.606.445**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**278.016.329.491**	**139.695.606.445**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	226.637.528.912	80.607.100.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.698.733	1.867.338.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.456.824.363	2.708.671.009
4. Phải trả người lao động	314		7.136.089.287	6.629.951.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	35.931.815.207	37.616.256.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		80.920.000	487.205.833
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.397.607.667	9.469.829.441
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.845.322	309.253.710
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**81.609.255.614**	**77.706.400.679**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**81.609.255.614**	**77.706.400.679**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.920.200.000	59.920.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*59.920.200.000*	*59.920.200.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.744.668.137	4.644.865.177
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.944.387.477	13.141.335.502
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*2.802.911.622*	*2.802.911.622*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*11.141.475.855*	*10.338.423.880*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**359.625.585.105**	**217.402.007.124**

Nguyễn Long	**Đoàn Thị Triệu Phước**	**Phạm Thị Thanh Thảo**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**704.999.769.611**	**450.864.541.619**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.954.817.176	109.266.420
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**19**	**703.044.952.435**	**450.755.275.199**
4. Giá vốn hàng bán	11	20	662.568.144.332	419.564.764.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**40.476.808.103**	**31.190.510.468**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.135.852.514	6.199.909.135
7. Chi phí tài chính	22	23	6.125.899.660	1.705.304.595
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*528.634.421*	*131.356.153*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	25.178.215.703	22.384.271.074
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	**30**		**12.308.545.254**	**13.300.843.934**
10. Thu nhập khác	31	25	2.498.255.792	-
11. Chi phí khác	32		403.144.196	294.191.534
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**2.095.111.596**	**(294.191.534)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**14.403.656.850**	**13.006.652.400**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.262.180.995	2.668.228.520
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**11.141.475.855**	**10.338.423.880**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.744	1.618

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Long	**Đoàn Thị Triệu Phước**	**Phạm Thị Thanh Thảo**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*14.403.656.850*	*13.006.652.400*
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	679.373.317	730.156.872
- Các khoản dự phòng	03	(2.802.964.304)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	517.313.475	(882.301.527)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.663.174.688)	(1.598.794.094)
- Chi phí lãi vay	06	528.634.421	131.356.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*11.662.839.071*	*11.387.069.804*
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(114.479.164.541)	(77.636.290.921)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	8.863.946.928	120.016.800.918
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	137.466.481.305	(31.756.524.364)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(72.171.464)	(2.671.094)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(528.634.421)	(131.356.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.996.803.769)	(1.994.009.892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.100.000	11.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(626.900.000)	(107.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*39.304.693.109*	*19.787.068.298*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.742.976.549)	(88.550.000)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	148.703.704	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.414.632.188)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.068.377.575
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.488.542.451	1.748.777.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(105.730.394)*	*6.313.972.755*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	34.375.849.323	31.647.822.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.375.849.323)	(38.647.822.479)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.555.269.880)	(3.595.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*(6.555.269.880)*	*(10.595.212.000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**32.643.692.835**	**15.505.829.053**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**44.713.438.322**	**29.207.537.414**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		71.855
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**77.357.131.157**	**44.713.438.322**

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

Nguyễn Long	**Đoàn Thị Triệu Phước**	**Phạm Thị Thanh Thảo**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kasati ("Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBD ngày 7 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2025, vốn điều lệ của Trụ sở chính Công ty là 59.920.200.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã giao dịch là KST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 91 người (ngày 01 tháng 01 năm 2025: 79 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; Cung cấp thông tin lên mạng internet; Dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; Đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở). Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy;
- Mua bán xe ô tô, xe có động cơ;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ;
- Quảng cáo;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị điện tử, tin học;
- Kinh doanh phần mềm tin học;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăngten (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng (trừ phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê thiết bị mạng-viễn thông-tin học -điện-điện tử và điện lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ôtô, vận chuyển hành khách bằng ôtô theo hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Mua bán xe gắn máy;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Mua bán máy móc, phụ tùng-các bộ phận phụ trợ của xe gắn máy;
- Mua bán máy móc ngành xây dựng;
- Hoạt động giao nhận hàng hóa. Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử, kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử và cho thuê văn phòng, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty CP Kasaco	Thành phố Hồ Chí Minh	49	49	Dịch vụ cho thuê hệ thống và phần mềm; Dịch vụ tư vấn, tuyển chọn và đào tạo điện thoại viên

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Hà Nội	Số 24, Tập thể Đài phát thanh Mễ Trì, Tổ dân phố số 1, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Đà Nẵng	38 Tạ Mỹ Duật, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm trước so sánh được với số liệu năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm: Các chi phí bảo hiểm ô tô và các loại bảo hiểm khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
TSCĐ hữu hình khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính: Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Bên góp vốn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Bên góp vốn
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Đơn vị trực thuộc VNPT
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Đơn vị trực thuộc VNPT
Tổng Công ty Truyền thông	Đơn vị trực thuộc VNPT
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	Công ty con của VNPT
Công ty TNHH Sản xuất Thiết Bị Viễn Thông	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng	Công ty con của VNPT
Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	Công ty con của VNPT
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	Công ty liên kết của VNPT
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC	Công ty liên kết của VNPT
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	Đơn vị có vốn góp của VNPT
Công ty Cổ phần Kasaco	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này.	Nhân sự quản lý chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	377.395.578	411.469.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.311.646.848	14.485.408.677
Các khoản tương đương tiền (i)	72.668.088.731	29.816.559.942
Cộng	**77.357.131.157**	**44.713.438.322**

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng, lãi suất dao động từ 3,0% - 3,7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng bảo đảm thanh toán để thực hiện các hợp đồng lắp đặt, bảo dưỡng phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	**1.760.659.908**	**1.760.659.908**	-	-
- Tiền gửi có năm hạn	1.760.659.908	1.760.659.908	-	-

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kasaco	4.900.000.000	-	(*)	4.900.000.000	-	(*)
Cộng	**4.900.000.000**	-		**4.900.000.000**	-	

(*) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Thông tin bổ sung

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305339252 thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Kasaco 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Trong năm, Công ty Cổ phần Kasaco hoạt động kinh doanh có lãi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Kasaco đang lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**212.799.004.194**	**91.332.189.883**
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	203.428.478.855	31.400.022.769
Công ty Cổ phần Cokyvina	5.243.273.100	30.289.029.600
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	1.827.330.480	27.990.573.440
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	2.177.161.759	1.652.564.074
Công ty Cổ phần Kasaco	122.760.000	-
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**30.580.152.463**	**27.164.593.443**
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone và các đơn vị trực thuộc	17.528.493.477	20.165.931.614
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật	6.753.605.516	-
Công ty Cổ phần TM và Đầu tư Công Nghệ Interland	323.146.946	473.064.446
Các khách hàng khác	5.974.906.524	6.525.597.383
Cộng	**243.379.156.657**	**118.496.783.326**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**22.285.385.820**	**35.175.647.698**
Chi hộ Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam - Bên liên quan	-	18.800.000
Tạm ứng nhân viên	21.098.074.403	13.913.153.091
Ký cược, ký quỹ (i)	1.006.276.327	21.078.761.362
Lãi dự thu	180.192.813	154.264.280
Phải thu khác	842.277	10.668.965
b) Dài hạn	**62.196.750**	**-**
Ký cược, ký quỹ (i)	62.196.750	-

(i) Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để đảm bảo thanh toán để thực hiện các hợp đồng lắp đặt, bảo dưỡng phát sinh trong năm, ngoài ra còn dùng để ký quỹ cho các hợp đồng mua ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.601.265.052	(4.596.118.020)	6.909.999.345	(6.792.270.102)
Chi phí SXKD dở dang (i)	4.202.961.159	-	10.292.401.717	-
Thành phẩm	-	-	456.894.722	(456.894.722)
Hàng hóa	342.758.265	(321.001.313)	351.635.620	(321.001.313)
Cộng	**9.146.984.476**	**(4.917.119.333)**	**18.010.931.404**	**(7.570.166.137)**

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các dự án, công trình lắp đặt, bảo dưỡng còn dở dang tại 31 tháng 12 năm 2025. Phần lớn chi phí dở dang này liên quan đến các dự án "Trang bị vật tư dự phòng cho mạng Mane Huawei năm 2025" và "Trang thiết bị hệ thống nhận thực hiện thiết bị Entitlement Server cho Công ty Cổ Phần Potmasco (VNPT NET)".

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.653.046.804 VND, tương ứng với số hàng tồn kho thực hiện thanh lý với giá gốc là 2.765.780.965 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**73.928.040**	**73.645.853**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.360.389	44.742.593
Chi phí sửa chữa	5.901.390	-
Chi phí bảo hiểm	28.666.261	28.903.260
b) Dài hạn	**579.222.503**	**507.333.226**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	315.591.809	342.999.882
Chi phí sửa chữa	261.532.080	164.333.344
Các khoản khác	2.098.614	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**10.872.785.090**	**23.263.063.754**	**5.639.480.779**	**1.772.005.436**	**119.620.170**	**41.666.955.229**
- Mua trong năm	-	-	1.561.811.364	60.185.185	-	1.621.996.549
- Thanh lý, nhượng bán	-	(58.000.000)	-	(226.777.396)	-	(284.777.396)
Số dư cuối năm	**10.872.785.090**	**23.205.063.754**	**7.201.292.143**	**1.605.413.225**	**119.620.170**	**43.004.174.382**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**10.823.712.416**	**23.209.469.283**	**2.887.047.620**	**1.720.026.734**	**119.620.170**	**38.759.876.223**
- Khấu hao trong năm	49.072.674	43.672.461	476.947.306	51.559.317	-	621.251.758
- Thanh lý, nhượng bán	-	(58.000.000)	-	(226.777.396)	-	(284.777.396)
Số dư cuối năm	**10.872.785.090**	**23.195.141.744**	**3.363.994.926**	**1.544.808.655**	**119.620.170**	**39.096.350.585**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**49.072.674**	**53.594.471**	**2.752.433.159**	**51.978.702**	**-**	**2.907.079.006**
Tại ngày cuối năm	**-**	**9.922.010**	**3.837.297.217**	**60.604.570**	**-**	**3.907.823.797**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37.496.516.824 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 36.703.242.047 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**911.885.959**	**911.885.959**
- Mua trong năm	120.980.000	120.980.000
Số dư cuối năm	**1.032.865.959**	**1.032.865.959**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**828.676.659**	**828.676.659**
- Khấu hao trong năm	58.121.559	58.121.559
Số dư cuối năm	**886.798.218**	**886.798.218**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**83.209.300**	**83.209.300**
Tại ngày cuối năm	**146.067.741**	**146.067.741**

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 625.505.959 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2025: 625.505.959 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	**66.823.135**	**66.823.135**	**362.623.256**	**362.623.256**
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	66.823.135	66.823.135	362.623.256	362.623.256
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	**226.570.705.777**	**226.570.705.777**	**80.244.476.961**	**80.244.476.961**
Lotus International Corporation Limited	55.077.543.599	55.077.543.599	-	-
Huawei International Pte.Ltd	131.615.360.405	131.615.360.405	33.954.891.840	33.954.891.840
Hợp tác xã Vận tải 9	9.453.621.116	9.453.621.116	9.126.031.760	9.126.031.760
Công ty TNHH Orange Plus	-	-	14.494.204.800	14.494.204.800
Công ty Cổ phần Telsoft	4.150.200.000	4.150.200.000	9.961.500.000	9.961.500.000
Các đối tượng khác	26.273.980.657	26.273.980.657	12.707.848.561	12.707.848.561
Cộng	226.637.528.912	226.637.528.912	80.607.100.217	80.607.100.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	(71.602.180)	71.602.180
Cộng	**-**	**-**	**(71.602.180)**	**71.602.180**
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.721.791.293	45.939.467.227	(47.502.814.143)	158.444.377
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.292.937	(11.292.937)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.951.281	3.262.180.995	(2.996.803.769)	1.039.328.507
Thuế thu nhập cá nhân	212.928.435	808.120.841	(761.997.797)	259.051.479
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.393.886.260	(12.393.886.260)	-
Các loại thuế khác	-	1.100.329.274	(1.100.329.274)	-
Cộng	**2.708.671.009**	**63.717.670.871**	**(64.767.124.180)**	**1.456.824.363**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo dưỡng, lắp đặt công trình	35.931.815.207	37.616.256.717
Cộng	**35.931.815.207**	**37.616.256.717**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.499.340	21.119.300
Bảo hiểm xã hội	30.744.318	31.122.730
Bảo hiểm y tế	668.340	668.340
Bảo hiểm thất nghiệp	24.952.490	24.952.490
Nhận ký quỹ, ký cược	1.669.850.000	1.580.206.000
Phải trả chi phí các công trình	4.581.209.891	7.804.772.708
Phải trả khác	24.683.288	6.987.873
Cộng	**6.397.607.667**	**9.469.829.441**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**59.920.200.000**	**3.024.805.255**	**8.362.564.373**	**71.307.569.628**
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.338.423.880	10.338.423.880
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	1.620.059.922	(1.620.059.922)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(344.380.829)	(344.380.829)
Chia cổ tức	-	-	(3.595.212.000)	(3.595.212.000)
Số dư đầu năm nay	**59.920.200.000**	**4.644.865.177**	**13.141.335.502**	**77.706.400.679**
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.141.475.855	11.141.475.855
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	3.099.802.960	(3.099.802.960)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(640.391.612)	(640.391.612)
Thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	(42.959.428)	(42.959.428)
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.555.269.880)	(6.555.269.880)
Số dư cuối năm nay	**59.920.200.000**	**7.744.668.137**	**13.944.387.477**	**81.609.255.614**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	640.391.612 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển:	3.099.802.960 VND;
- Thưởng HĐQT, BKS:	42.959.428 VND;
- Chia cổ tức:	6.555.269.880 VND;

Cổ tức đã được chi trả trong năm nay là 6.555.269.880 VND (năm trước là 3.595.212.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	*5.992.020*	*5.992.020*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	*5.992.020*	*5.992.020*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 59.960.100.000 VND. Chi tiết vốn như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Cổ đông	**Tỷ lệ (%)**	**VND**	**Tỷ lệ (%)**	**VND**
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	33,88%	20.300.000.000	33,88%	20.300.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	21,30%	12.761.800.000	21,30%	12.761.800.000
Các cổ đông khác	44,82%	26.858.400.000	44,82%	26.858.400.000
Cộng	**100,00%**	**59.920.200.000**	**100,00%**	**59.920.200.000**

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	1.861,36	1.871,32

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam. Hoạt động của Công ty trong 3 khu vực này không có khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	554.097.940.403	235.617.198.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.901.829.208	215.247.343.539
Cộng	**704.999.769.611**	**450.864.541.619**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.385.670.000	103.700.000
Giảm giá hàng bán	569.147.176	5.566.420
Cộng	**1.954.817.176**	**109.266.420**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**703.044.952.435**	**450.755.275.199**
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan:	***593.472.440.346***	***351.395.955.662***
Công ty Cổ phần Kasaco	446.400.000	436.200.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	545.486.344.803	235.240.762.594
Công ty Cổ phần Cokyvina	45.282.917.122	114.624.976.878
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	292.800.000	-
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	1.963.978.421	1.094.016.190

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	534.570.038.618	226.308.285.871
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	130.651.152.518	193.256.478.860
Trích/ (Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	(2.653.046.804)	-
Cộng	**662.568.144.332**	**419.564.764.731**

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.265.729.001	27.200.544.946
Chi phí nhân công	27.227.193.708	26.376.040.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.373.317	730.156.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.096.021.959	131.365.365.075
Trích/ (Hoàn nhập) dự phòng	(2.802.964.304)	-
Chi phí khác bằng tiền	51.050.163.987	40.226.536.255
Cộng	**196.515.517.668**	**225.898.643.859**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.269.470.984	1.598.794.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	245.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.621.381.530	4.601.115.041
Cộng	**3.135.852.514**	**6.199.909.135**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	528.634.421	131.356.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.597.265.239	1.573.948.442
Cộng	**6.125.899.660**	**1.705.304.595**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.533.079.951	13.738.918.882
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.463.390.843	1.715.204.603
Chi phí khấu hao TSCĐ	586.628.182	519.287.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.287.559.639	1.667.182.785
Trích/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(149.917.500)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	5.457.474.588	4.743.677.212
Cộng	**25.178.215.703**	**22.384.271.074**

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	148.703.704	-
Xử lý công nợ (i)	2.135.756.717	-
Các khoản khác	213.795.371	-
Cộng	**2.498.255.792**	**-**

(i) Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập khoản trích trước liên quan đến chi phí thuê đất đã được ghi nhận vào các năm trước theo Tờ trình số 01/KST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Phòng Tài chính kế toán đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**14.403.656.850**	**13.006.652.400**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*544.672.793*	*334.490.201*
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*(245.000.000)*	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**14.703.329.643**	**13.341.142.601**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	**2.940.665.929**	**2.668.228.520**
Truy thu thuế TNDN các năm trước	321.515.066	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.262.180.995**	**2.668.228.520**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.141.475.855	10.338.423.880
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	*(688.804.677)*	*(640.391.612)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**10.452.671.178**	**9.698.032.268**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.992.020	5.992.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.744**	**1.618**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 640.391.612 VND.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 được ước tính dựa trên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(77.357.131.157)	(44.713.438.322)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	81.609.255.614	77.706.400.679
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**-**	**-**

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.357.131.157	44.713.438.322
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.243.321.128	139.759.277.933
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.760.659.908	-
Cộng	**323.361.112.193**	**184.472.716.255**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	232.913.272.091	89.999.066.798
Chi phí phải trả	35.931.815.207	37.616.256.717
Cộng	**268.845.087.298**	**127.615.323.515**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.357.131.157	-	77.357.131.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.181.124.378	62.196.750	244.243.321.128
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.760.659.908	-	1.760.659.908
Cộng	**323.298.915.443**	**62.196.750**	**323.361.112.193**
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	232.913.272.091	-	232.913.272.091
Chi phí phải trả	35.931.815.207	-	35.931.815.207
Cộng	**268.845.087.298**	-	**268.845.087.298**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**54.453.828.145**	**62.196.750**	**54.516.024.895**
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.713.438.322	-	44.713.438.322
Phải thu khách hàng và phải thu khác	139.759.277.933	-	139.759.277.933
Cộng	**184.472.716.255**	-	**184.472.716.255**
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	89.999.066.798	-	89.999.066.798
Chi phí phải trả	37.616.256.717	-	37.616.256.717
Cộng	**127.615.323.515**	-	**127.615.323.515**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**56.857.392.740**	-	**56.857.392.740**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 7, 12, 16, 19, và 22; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam		
Nhận tiền để chi hộ tiền thưởng	76.960.000	92.300.000
Chi hộ tiền thưởng	58.160.000	92.300.000
Chi trả cổ tức	2.220.820.000	1.218.000.000
Công ty Cổ phần Cokyvina		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	74.663.080.666	102.255.700.949
Hoàn trả tiền thuế GTGT đối với doanh thu cung cấp dịch vụ	-	273.272.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với Bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kasaco		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	368.280.000	652.080.000
Chia cổ tức	245.000.000	-
Thu tiền cổ tức	245.000.000	-
Mua dịch vụ	2.354.600.000	1.915.680.000
Thanh toán tiền mua dịch vụ	2.802.168.000	2.068.934.400
Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)		
Thu tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	408.013.108.858	247.145.875.628
Chiết khấu thương mại	1.385.670.000	-
Phạt chậm tiến độ giao hàng	-	11.898.733
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT		
Mua dịch vụ	-	-
Thu tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.275.246.557	645.518.794
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện		
Mua hàng	-	783.110.120
Thanh toán tiền hàng	295.800.121	498.797.876

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I.	**Hội đồng Quản trị**		**378.600.319**	**364.200.487**
1.	Tô Hoài Văn	Chủ tịch	41.328.251	95.904.863
2.	Lê Phước Hiền	Chủ tịch	104.069.095	73.524.894
3.	Đỗ Quang Khánh	Phó chủ tịch	-	22.616.000
4.	Vũ Hoàng Hà	Phó chủ tịch	82.754.281	44.272.910
5.	Nguyễn Long	Thành viên	75.224.346	63.940.910
6.	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên	75.224.346	63.940.910
7.	Nguyễn Công Thái	Thành viên	50.149.564	-
II.	**Ban Kiểm soát**		**437.869.695**	**343.855.475**
1.	Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng Ban	362.630.349	279.927.573
2.	Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên	37.619.673	31.963.951
3.	Lê Xuân Bách	Thành viên	37.619.673	31.963.951
III.	**Ban Tổng Giám đốc**		**2.561.738.000**	**1.849.539.751**
1.	Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	978.280.000	694.019.531
2.	Nguyễn Long	Tổng Giám đốc	852.919.000	596.007.000
3.	Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	730.539.000	559.513.220
4.	Nguyễn Công Thái	Phó Tổng Giám đốc	328.071.364	-
IV.	**Kế toán trưởng**		**586.540.000**	**408.210.513**
	Đoàn Thị Triệu Phước	Kế toán trưởng	586.540.000	408.210.513
	Cộng		**3.964.748.014**	**2.965.806.226**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 180.192.813VND (năm trước là 154.264.280 VND) là số tiền lãi dự thu của các khoản tiền gửi tiết kiệm phát sinh trong năm nhưng chưa thu được tại ngày cuối năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Nguyễn Long	**Đoàn Thị Triệu Phước**	**Phạm Thị Thanh Thảo**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
---oOo---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;
- Căn cứ kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 của Công ty CP KASATI dự kiến được phân phối như sau:

ĐVT: Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	+/-	Ghi chú
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**11.120.000.000**	**11.141.475.855**	**100,19%**	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	688.804.677	690.134.953	100,19%	Theo tỷ lệ đạt LNST, bằng tỷ lệ 2024
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.336.643.643	3.356.789.222	100,60%	30,13% LNST
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ**	**7.094.551.680**	**7.094.551.680**	**100,00%**	
6	**Vốn cổ phần**	**59.920.200.000**	**59.920.200.000**	**100,00%**	
7	Tỷ lệ cổ tức	11,84%	11,84%	100,00%	
8	Cổ tức phân phối dự kiến:	7.094.551.680	7.094.551.680	100,00%	

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 = 688.804.677 đồng x 10.141.475.855 đồng/ 11.120.000.000 đồng = 690.134.953 đồng.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 11.141.475.855 x 30,12% = 3.356.789.222 đồng (giữ nguyên tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch phần còn lại trích vào quỹ đầu tư phát triển)
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: Sau khi trích các quỹ, toàn bộ lợi nhuận còn lại sẽ được phân phối bằng tiền: 7.094.551.680, đạt tỷ lệ cổ tức 11,84% và chiếm 63,67% lợi nhuận sau thuế.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

ĐVT: Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	+/-	Ghi chú
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**11.141.475.855**	**12.300.000.000**	**110,40%**	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	690.134.953	761.897.260	110,40%	Theo tỷ lệ đạt LNST, bằng tỷ lệ 2024
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.356.789.222	4.347.678.740	129,52%	35,35% LNST
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ**	**7.094.551.680**	**7.190.424.000**	**101,35%**	
6	**Vốn cổ phần**	**59.920.200.000**	**59.920.200.000**	**100,00%**	
7	**Tỷ lệ cổ tức**	**11,84%**	**12,00%**	**101,35%**	
8	Cổ tức phân phối dự kiến:	7.094.551.680	7.190.424.000	101,35%	
9	Lợi nhuận giữ lại				

* Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 690.134.953 x 12.300.000.000/11.141.475.855 = 761.897.260 đồng

* Quỹ đầu tư và phát triển: 12.300.000.00 x 35,35% = 4.347.678.740 đồng (Sau khi chia cổ tức với tỷ lệ 12% toàn bộ lợi nhuận còn lại sẽ trích vào quỹ đầu tư và phát triển)

* Toàn bộ lợi nhuận giữ lại sẽ chia cổ tức dự kiến 12,00% bằng 101,35% so với 2025.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

CÔNG TY CP KASATI ---oOo---	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ---oOo---

TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần KASATI

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP KASATI xin báo cáo chi tiết về hoạt động quản trị và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 như sau:

1. Báo cáo chung về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

1.1. Đánh giá bối cảnh và kết quả kinh doanh nổi bật

Năm 2025 được ghi nhận là một năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của KASATI trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh thị trường viễn thông tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là xu hướng đẩy nhanh đầu tư và triển khai công nghệ 5G từ các nhà mạng lớn, HĐQT đã kịp thời nhận diện cơ hội và định hướng chiến lược phù hợp.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của HĐQT cùng sự điều hành hiệu quả của Ban điều hành, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh hết sức ấn tượng. Doanh thu năm 2025 đạt 703.045 triệu đồng, tương đương 142,46% kế hoạch và tăng trưởng 155,97% so với năm 2024 – mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Kết quả này chủ yếu đến từ việc triển khai thành công các dự án lớn, đặc biệt là dự án 5G quy mô lớn với tổng giá trị trên 314 tỷ đồng. Đây không chỉ là nguồn đóng góp doanh thu trọng yếu mà còn giúp nâng cao vị thế và uy tín của KASATI trên thị trường, tạo tiền đề quan trọng cho các cơ hội phát triển trong những năm tiếp theo.

1.2. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò định hướng chiến lược, giám sát và đưa ra các quyết sách quan trọng, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật.

HĐQT luôn duy trì tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong chỉ đạo, đồng thời phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động. Các thành viên HĐQT làm việc với

tinh thần trách nhiệm cao, chủ động nghiên cứu, đóng góp ý kiến và tham gia đầy đủ các phiên họp.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét, thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng liên quan đến chiến lược kinh doanh, kế hoạch đầu tư, phương án tài chính, cũng như công tác tổ chức và nhân sự cấp cao. Bên cạnh đó, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi thông tin thông qua các phương tiện liên lạc và họp trực tuyến nhằm đảm bảo tính kịp thời, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

1.3. Chi tiết các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2025 được tổ chức đúng quy định, với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả. Tất cả các nội dung trình tại các phiên họp đều được thảo luận kỹ lưỡng và thống nhất thông qua với tỷ lệ 100%.

Các quyết nghị tập trung vào những vấn đề trọng yếu như: thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, phê duyệt các phương án tín dụng với các tổ chức tài chính, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, bổ nhiệm nhân sự chủ chốt, cũng như quyết định các vấn đề liên quan đến chính sách cổ tức và quản trị doanh nghiệp.

STT	Ngày họp	Nội dung chính
01	27/02/2025	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025.
02	06/03/2025	Thông qua phương án tín dụng (bảo lãnh, cho vay, mở LC) tại MB Bank – SGD2.
03	24/04/2025	**Kiện toàn nhân sự cấp cao:** Thay đổi Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch, TGĐ, Phó TGĐ và Người đại diện pháp luật.
04	06/05/2025	Tiếp tục phê duyệt phương án tín dụng và ký kết hợp đồng tại MB Bank – SGD2.
05	09/06/2025	Thay đổi và bổ nhiệm Thư ký Công ty.
06	18/08/2025	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024.
07	19/08/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2025 tại MB Bank – SGD2.
08	15/09/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2025 tại Ngân hàng TPBank.
09	07/11/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2025 tại Ngân hàng Vietcombank (VCB).
10	09/12/2025	Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu Công ty.
11	22/12/2025	Phê duyệt phương án tín dụng năm 2026 tại Ngân hàng TPBank.

2. Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công tác

giám sát được triển khai một cách toàn diện, liên tục và có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực then chốt sau:

- **Thực thi Nghị quyết:** HĐQT theo dõi sát sao việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, đảm bảo các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.
- **Quản trị đầu tư:** HĐQT chỉ đạo việc đầu tư tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời giám sát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty liên kết.
- **Tái cấu trúc doanh nghiệp:** HĐQT giám sát việc triển khai tái cấu trúc bộ máy tổ chức, hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ và nâng cao năng lực quản trị rủi ro, góp phần tăng tính minh bạch và hiệu quả vận hành.
- **Phối hợp kiểm soát:** HĐQT duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro, sai sót có thể phát sinh.

Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực vượt bậc trong công tác điều hành, đặc biệt là việc kiểm soát hiệu quả chi phí, trong đó quỹ lương được duy trì ở mức 97,55% kế hoạch, trong khi doanh thu tăng trưởng mạnh. Điều này đã góp phần quan trọng vào việc tối ưu hóa lợi nhuận và gia tăng giá trị cho cổ đông.

3. Thù lao, phụ cấp và các khoản lợi ích của HĐQT

Việc chi trả thù lao, phụ cấp và các lợi ích khác cho HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2025 được thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng mức thù lao đã chi trong năm là 3.137.238.000 đồng, trong đó:

- HĐQT: 425.036.305 đồng
- Ban Kiểm soát: 150.463.695 đồng
- Ban Tổng giám đốc: 2.561.738.000 đồng

Nguyên tắc chi trả được xây dựng trên cơ sở gắn với hiệu quả lợi nhuận sau thuế (LNST). Do kết quả LNST năm 2025 đạt 100,19% so với kế hoạch, mức chi trả thực tế tương đương 100% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa trách nhiệm quản trị và lợi ích của cổ đông.

Các khoản thù lao/phụ cấp của từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm 2025 cũng được trình bày cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán

4. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

4.1 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Công ty đã tuân thủ điều kiện và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trong năm 2025, thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ vào cuộc họp và đóng góp ý kiến đối với các quyết định/vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đảm bảo tính minh bạch, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông, cũng như giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật trong các hoạt động quản trị của Công ty.

4.2 Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động HĐQT

- Về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp theo hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, lấy ý kiến thành viên HĐQT, đồng thời ban hành 11 Nghị quyết/quyết định thông qua theo thẩm quyền. HĐQT đã phê duyệt, ban hành kịp thời các quyết định đối với các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền để điều chỉnh các hoạt động quản trị cũng như kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã chủ động thảo luận, đánh giá kỹ lưỡng để đưa ra những định hướng, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế. Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập với đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp, đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

- Giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt giám sát và hỗ trợ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn đảm bảo hoạt động của Tổng công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo hoạt động của Công ty đi đúng định hướng.

- Về các giao dịch với bên liên quan

Trong năm 2025, báo cáo tài chính đã kiểm toán ghi nhận nhiều giao dịch với bên liên quan. Tuy nhiên, các giao dịch này chưa được phản ánh đầy đủ trong báo cáo tình hình quản trị và chưa có nghị quyết thông qua theo đúng quy định. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính minh bạch và việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản trị công ty.

5. Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

Trong năm 2025, nhằm đảm bảo tính liên tục và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần KASATI đã phát sinh một số giao dịch với các bên liên quan. Các giao dịch này đều được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế, tuân thủ nguyên tắc thị trường, phục vụ trực tiếp cho hoạt động cốt lõi của Công ty và đã được phản ánh đầy đủ, trung thực trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Về công tác quản trị, Hội đồng quản trị (HĐQT) ghi nhận việc cần tiếp tục kiện toàn và chuẩn hóa các trình tự, thủ tục nội bộ liên quan đến công tác phê duyệt và công bố thông tin đối với các giao dịch này. Mục tiêu nhằm đảm bảo tính đồng bộ cao nhất giữa thực thi vận hành và các quy định mới của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.
Trong thời gian tới, HĐQT cam kết sẽ tăng cường công tác giám sát, rà soát chặt chẽ các bước phê duyệt theo đúng quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành. Điều này nhằm không chỉ đáp ứng kịp thời các yêu cầu kinh doanh mà còn nâng cao hơn nữa tính minh bạch, bảo vệ tối đa lợi ích của Công ty và các cổ đông.

6. Định hướng và Kế hoạch hoạt động năm 2026

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển của ngành viễn thông và đặc biệt là làn sóng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ 5G, HĐQT xác định năm 2026 sẽ là năm tiếp tục tăng tốc và bứt phá, hướng tới tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

4.1. Chỉ tiêu kinh doanh kế hoạch

- Doanh thu: 775.000 triệu đồng (tăng 10,23% so với năm 2025)
- Lợi nhuận sau thuế: 12.300 triệu đồng (tăng 10,40% so với năm 2025)
- Cổ tức dự kiến: 12,00%

Các chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở thận trọng nhưng vẫn đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tiềm năng phát triển của Công ty.

4.2. Chiến lược trọng tâm

- **Đầu tư hạ tầng:** Công ty dự kiến đầu tư khoảng 4 tỷ đồng để mua sắm thiết bị đo phục vụ công tác triển khai 4G, 5G và nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy tại tòa nhà, nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực kỹ thuật.
- **Chính sách nhân sự:** HĐQT định hướng nâng tổng quỹ lương lên 28.000 triệu đồng, hướng tới mức thu nhập bình quân 22 triệu đồng/người/tháng, qua đó thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.
- **Quản trị tài chính:** Tiếp tục tối ưu hóa và mở rộng các hạn mức tín dụng tại các ngân hàng như MB, TPBank và Vietcombank nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án quy mô lớn, đồng thời đảm bảo cân đối tài chính an toàn.

Kính thưa Quý cổ đông,

Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục phát huy vai trò định hướng chiến lược, nâng cao chất lượng quản trị, điều hành minh bạch và hiệu quả, nhằm đưa Công ty Cổ phần KASATI phát triển bền vững, gia tăng giá trị doanh nghiệp và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI BAN KIỂM SOÁT ----oOo----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc -----oOo-----
Số : 01/ BC	*TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;*
- *Căn cứ Quy chế hoạt động Ban Kiểm Soát;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.*

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại Hội về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2025 như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Năm 2025, Ban kiểm soát (BKS) hoạt động đảm bảo đủ 03/03 thành viên chuyên trách với "01 trưởng ban và 02 thành viên"; tổ chức phân công và giao nhiệm vụ cho từng thành viên; mọi hoạt động của BKS đảm bảo tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm Soát.
- Năm 2025 đã tổ chức 03 cuộc họp với nội dung:

STT	Số Biên Bản	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2025/BB-BKS	04/03/2025	Xem xét và đánh giá báo cáo tài chính năm 2024; thống nhất báo cáo BKS năm 2024	100%
02	02/2025/BB-BKS	25/08/2025	Thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh báo cáo tài chính bán niên năm 2025	100%

03	03/2025/BB-BKS	29/12/2025	Đánh giá hiệu quả kinh doanh thông qua các lĩnh vực, cảnh báo các nguy cơ và đề xuất giải pháp trong công tác quản lý, quản trị công ty đại chúng. Đưa ra các giải pháp thực hiện, cùng các kiến nghị đề xuất.	100%

2. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành:

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định Công ty nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan, mời tham gia đầy đủ các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tại Công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo với cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty

PHẦN II: BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Cơ chế thù lao năm 2025 được thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Tổng thù lao HĐQT & BKS được duyệt nếu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 575.000.000 VNĐ.

- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% mức thù lao so mức kế hoạch năm 2024 nhưng tổng thù lao HĐQT và BKS tối đa không quá 20% quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của lao động quản lý chuyên trách trong Công ty (thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).

- Nếu lợi nhuận nhỏ hơn kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận sau thuế giảm sẽ giảm thù lao 1% tương ứng.

- Trường hợp lỗ không chi thù lao.

- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch : 11.120.000.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thực tế : 11.141.475.855 đồng
- Mức đạt kế hoạch : 100,19%
- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thì thù lao được chi 2025: 575.000.000

Thực tế đã chi trong năm 2025: 575.000.000đồng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Trong đó:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
I	**Ban Kiểm soát**			
1	Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng Ban	75.224.349	63.940.910
2	Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên	37.619.673	31.963.951
3	Lê Xuân Bách	Thành viên	37.619.673	31.963.951
	Tổng (BKS)		**150.463.695**	**118.495.601**

PHẦN III: KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hoạt động đúng chức năng, bám sát định hướng chiến lược và đưa ra chỉ đạo quản trị kịp thời trong bối cảnh quy mô doanh thu mở rộng mạnh mẽ.

- Các thành viên Hội đồng Quản trị công ty gồm 5 thành viên (Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên HĐQT) trong năm 2025.

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- *Hiệu quả vận hành*: Ban Điều hành đã nỗ lực đẩy mạnh doanh thu, đạt mức tăng trưởng đột phá. Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, Ban Tổng Giám Đốc luôn làm việc với tinh thành trách nhiệm cao.

- *Nhân sự và Tiền lương*: Đảm bảo chi trả lương đúng hạn, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH cho người lao động, không để xảy ra tranh chấp lao động hay nợ lương trong năm.

PHẦN IV: PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2025:

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2025 đã kiểm toán được tóm tắt như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH2025/ KH2025	TH2025/ TH2024
1	Doanh thu	Triệu VND	450.755	493.510	703.045	142,46%	155,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	13.006	13.900	14.404	103,63%	110,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	10.338	11.120	11.141	100,19%	107.77%
4	Vốn điều lệ	Triệu VND	59.920	59.920	59.920	100,00%	100,00%
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu VND	67.368	67.368	67.665	100,44%	100,44%
6	LNST/Vốn CSH	%	15,35%	16,51%	16,46%	95,76%	102,99%
7	LNST/ Vốn cổ phần	%	17,25%	18,56%	18,59%	100,16%	107,77%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu VND	640	688	690	100,29%	107,81%
9	Quỹ đầu tư phát triển	Triệu VND	3.100	3.336	3.356	100,57%	108,26%
10	Cổ tức	%	10,94%	11,84%	11,84%	100%	108,23%
11	Quỹ lương	Triệu VND	22.563	25.000	24.388	97,55%	108,09%
12	Đầu tư TSCĐ	Triệu VND	-	3.600	1.622	45,06%	

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 2025:

- Năm 2025 là một năm KASATI thực hiện một "cú nhảy vọt" về quy mô. Doanh thu thuần đạt 703.045 triệu đồng, tăng vọt 56% so với mức 450.755 triệu đồng năm 2024. Đây là mức tăng trưởng kỷ lục, khẳng định vị thế của KASATI với các đối tác lớn.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 14.404 triệu đồng tăng 3,63% so với kế hoạch và tăng 10,75% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 11.141 triệu đồng, tăng 7,77% so với năm trước.
- Trích lập các quỹ được trích lập dựa theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Theo báo cáo tài chính tổng hợp, lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu của Công ty (EPS) tăng từ 1.618 đồng năm 2024 lên 1.744 đồng năm 2025, đạt 107,79% so với năm 2024. Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu KST đến ngày 31/12/2025 là 13.620 đồng/cổ phiếu đạt 105,03% so với giá trị sổ sách năm 2024 là 12.968 đồng/cổ phiếu.

2. Đánh giá công tác đầu tư:

- Năm 2025, tổng giá trị đầu tư Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ban đầu là 3.600 triệu đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã đầu tư mua mới 1 xe ô tô với giá trị 1.622 triệu.
- Về công ty liên kết Công ty cổ phần KASACO:

Đơn vị-Kasaco	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	So với KH	So với 2024
Doanh thu	200.000	234.298	208.667	117,15%	112,28%
Lợi nhuận trước thuế	2.000	987	588	49,35%	167,86%
Lợi nhuận sau thuế	1.600	737	436	46,06%	169,04%

- Tính đến 31/12/2025 vốn thực góp của KASATI tại Công ty CP KASACO là 4,9 tỷ đồng, chiếm 49% trên tổng vốn góp. Doanh thu đạt 234.298 triệu đồng đạt 117,15% so với kế hoạch và 112,28% so với 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 737 triệu đạt 46,06% so với kế hoạch và 169,04% so với 2024.
- Trong năm 2024, Công ty không nhận được cổ tức được chia từ KASACO.

3. Đánh giá về các giao dịch các bên liên quan:

- Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan bao gồm Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) – đơn vị góp vốn, cùng các đơn vị trực thuộc và công ty con của VNPT như các Trung tâm Viễn thông, Công ty dịch vụ kỹ thuật, Công ty thiết kế và sản xuất thiết bị viễn thông. Ngoài ra, còn có các công ty liên kết, đơn vị có góp vốn và các tổ chức có liên quan khác.
- Các mối quan hệ này chủ yếu phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh, cung cấp dịch vụ, đầu tư và quản lý. Các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp và quy định hiện hàn, đảm bảo tính minh bạch, hợp lý trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty năm 2025:

- **Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty**

- Báo cáo tài chính 2025 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Báo cáo tài chính (bán niên và cả năm) được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, đây là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính.

- **Các chỉ tiêu phân tích tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024	TH2025/ TH2024
1. Cơ cấu tài sản				
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	2,65	3,86	68,6%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	97,35	96,14	101,3%
2. Cơ cấu nguồn vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,31	64,26	120%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,69	35,74	63,5%
3. Khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,24	1,42	87,5%
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,26	1,50	84,2%
4. Tỷ suất sinh lời				
- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS)		1.744	1.643	106,2%
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	3,10	4,76	65,1%
- Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần (ROE)	%	13,65	13,30	102,6%
- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)	%	1,58	2,29	69,1%

- Thực hiện đến 31/12/2025, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm lợi nhuận chưa phân phối là 81.609 triệu đồng bằng 105,02% so với 2024 là 77.706 triệu đồng, trong đó vốn điều lệ là 59.920,2 triệu đồng. Tổng tài sản của Công ty đạt 359.626 triệu đồng đạt 165,42% so với năm 2024 là 217.402 triệu đồng.
- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 97,35% trên tổng tài sản, còn lại thuộc về tài sản dài hạn.
- Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần tăng 102,6% so với năm 2024.

I. Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty theo kế hoạch năm 2025 tiếp tục đạt hiệu quả cao, Ban Kiểm soát kiến nghị một số nội dung như sau:

- Cấu trúc vốn không tương xứng: Vốn điều lệ quá nhỏ so với quy mô hoạt động, hạn chế năng lực đấu thầu các dự án lớn. Cần sớm có phương án tăng vốn chủ sở hữu để cải thiện hệ số an toàn tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho các dự án quy mô lớn hơn trong tương lai
- Tối ưu hóa chi phí tài chính: Kiểm soát chặt chẽ các khoản vay và tận dụng tối đa các ưu đãi lãi suất để giảm thiểu chi phí lãi vay vốn đang có xu hướng tăng nhanh.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

HỒ THỊ KIM OANH

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI ---oOo---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---oOo---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;
- Căn cứ Danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và các tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2026 được UBCKNN công bố.

Để việc kiểm toán báo cáo tài chính khách quan và đúng quy định, Ban Kiểm soát đề cử danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán năm 2026 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C (A&C)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)

Nếu 3 Công ty kiểm toán trên không thỏa mãn các điều kiện của Công ty CP KASATI về thời gian, mức phí… Đề nghị cho phép Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán khác được UBCKNN chấp thuận trong năm 2026.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc đánh giá, thẩm tra, đàm phán và quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán phù hợp để ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Kính trình.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

HỒ THỊ KIM OANH

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---oOo---	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	---oOo---
	TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao HĐQT, BKS và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh

Kính gửi. **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;
- Căn cứ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025, dự kiến thù lao và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh năm 2026 như sau:

1. Thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Mức chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) Công ty năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 như sau:

- Tổng thù lao HĐQT & BKS được duyệt nếu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 575.000.000 VNĐ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% mức thù lao so mức kế hoạch năm 2025 nhưng tổng thù lao HĐQT và BKS tối đa không quá 20% quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của lao động quản lý chuyên trách trong Công ty (thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách). Trường hợp lỗ không chi; nếu lợi nhuận nhỏ hơn kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận sau thuế giảm sẽ giảm thù lao 1% tương ứng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt được 2025: 11.141.475.855 đồng. Đạt 100,19% so với kế hoạch (11.120.000.000 đồng).
- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thì thù lao được chi 2025: 575.000.000 đồng.
- Thực tế đã chi trong 2025: 575.000.000 đồng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

2. Thù lao HĐQT, BKS năm 2026:

Dự kiến thù lao 2026 sẽ bằng: Thù lao năm 2025 x tỷ lệ LNST kế hoạch 2026/LNST thực hiện 2025: 575.000.000 x 12.300.000.000/ 11.141.475.855 = 634.800.000 đồng.

3. Tiền thưởng theo hiệu quả kinh doanh năm 2026:

- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% mức thù lao so mức kế hoạch năm 2026 nhưng tổng thù lao HĐQT và BKS tối đa không quá 30% quỹ tiền lương

thực hiện năm 2026 của lao động quản lý chuyên trách trong Công ty (thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).

- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% mức thù lao so mức hoàn thành kế hoạch năm 2026.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

Kính trình.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Phước Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI **---oOo---**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---oOo---**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế Ban Kiểm Soát công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KASATI đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2025.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần KASATI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế Ban Kiểm Soát công ty, với nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:0302826473-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;		Sửa đổi
2	Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;		Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung liên quan (nếu có);		Sửa đổi
4	Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung liên quan (nếu có);		Sửa đổi
5	Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh	Theo địa giới hành chính mới	Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Logo: KASATI	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Logo: KASATI		Sửa đổi
7	Điều 15	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau: - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau: - Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 công ty khác;	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi
9	Điều 26	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên không điều hành.	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	Điều 27	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi
11	Điều 41	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 10. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Bổ sung

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Phần căn cứ	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Điều 6	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 công ty khác;	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Phần căn cứ	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Toàn bộ quy chế	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam		Sửa đổi
3	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 1.3 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Điều 3. Hội đồng quản trị 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 1.3 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	Điều 3. Hội đồng quản trị 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi
5	Điều 3	Điều 3. Hội đồng quản trị 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;	Điều 3. Hội đồng quản trị 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: - Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 công ty khác;	Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Sửa đổi

PHỤ LỤC 4

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Phần căn cứ	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KASATI;	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi,		Sửa đổi

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ hiện hành	Nội dung Quy chế nội bộ được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày17/04/2026		

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026-2031

Kính gởi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;

– Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần KASATI đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2025;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần KASATI kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026-2031 với các nội dung như sau:

A. Tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025:

A1.1 Các mục tiêu đã đề ra giai đoạn 2021 – 2025:

- Duy trì doanh số 200 – 300 tỉ/năm với 60% - 70% sản lượng là viễn thông và 30% - 40% sản lượng là CNTT, khuynh hướng sản lượng CNTT tăng dần tiệm cận viễn thông từ năm 2021-2023;
- Chuẩn bị tăng vốn từ 30 tỉ lên 60 tỉ.
- Hoàn thiện đội ngũ CNTT và chuyển đổi nguồn lực viễn thông sang 5G;
- Kiện toàn pháp lý đất và xây dựng tòa nhà Kasati.
- Trở thành Đơn vị Cung cấp và Tích hợp mạnh về các giải pháp Viễn thông và CNTT trên nền tảng IoT 4.0 vào năm 2024-2025;

- Doanh số từ 300 tỉ - 500 tỉ, trong đó tỷ trọng CNTT chiếm từ 50% trở đi, tăng dần đến 2025 chiếm 70%; từ 2025 doanh số từ 500 tỉ trở đi, duy trì mức tăng trưởng bền vững.

A1.2 Các kết quả đã đạt được giai đoạn 2021 – 2025

Kết quả SXKD giai đoạn 2021-2025

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	Tốc độ tăng trưởng BQ*
1	Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	87.993	283.550	179.103	450.755	703.045	66,12%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.935	10.083	5.560	10.338	11.141	30,37%
3	Vốn CSH tính theo NĐ 87/TT 200 bình quân trong năm (Vốn điều lệ + quỹ ĐTPT/PTSX)	41.793	59.920	62.945	64.564	67.665	11,16%
4	ROE (%) với vốn CSH tính theo NĐ 87/TT 200	9,42%	16,83%	8,83%	16,01%	16,46%	12,41%
5	Cổ tức	6,16%	10,70%	6,00%	10,94%	11,84%	11,31%
6	Cổ tức/lợi nhuận (%)	46,90%	63,59%	64,66%	63,41%	63,68%	2,65%

Đánh giá kết quả thực hiện KHSXKD giai đoạn 2021 – 2025:

- Giai đoạn 2021 -2025 là giai đoạn có nhiều yếu tố vĩ mô tác động tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành VT-CNTT nói riêng: (a) Đại dịch Covid từ 2020 – 2023, (b) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; (c) Chiến tranh Nga – Ukraina; (d) Các tập đoàn, tổng công ty trong nước tái cấu trúc, cắt giảm đầu tư…
- Tuy nhiên trong bối cảnh ấy, Kasati vẫn hoàn thành tốt chỉ tiêu KHSXKD giai đoạn 2021 -2025 với các chỉ số:

+ Tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn đạt 66,12% (so với yêu cầu 8%).

+ Tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn đạt 30,37% (so với yêu cầu 20%).

+ Tăng trưởng ROE bình quân giai đoạn 12,41% (tính theo NĐ87/TT200), (so với yêu cầu 10%).

- *So với mục tiêu giai đoạn Công ty đặt ra và đã đạt được các nội dung quan trọng sau:* + Quy mô vốn tăng từ 30 tỷ lên 60 tỷ;

+ Doanh số từ 300 tỉ - 500 tỉ từ 2023 – 2025 (2024 đạt gần 450 tỷ và 2025 đạt hơn 700 tỷ);

+ Trở thành Đơn vị Cung cấp và Tích hợp mạnh về các giải pháp Viễn thông (Di động, Băng rộng cố định và Mạng lõi) và CNTT (Phần cứng).

+ Các mục tiêu về lợi nhuận và cổ tức nhìn chung đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

+ Năng lực kinh nghiệm ở con người, hợp đồng quy mô lớn, Quan hệ chiến lược với các hãng lớn trên thế giới, Sản phẩm, dịch vụ chất lượng và niềm tin khách hàng đặt ở thương hiệu Kasati ngày càng bền vững.

- *So với mục tiêu giai đoạn Công ty đặt ra và những mặt chưa đạt được:*

+ Quy mô vốn chưa tăng được từ 60 tỷ trở đi làm tác động lớn đến hoạt động SXKD ở quy mô doanh thu trên 500 tỷ.

+ Chưa hoàn tất pháp lý đất cho tòa nhà 6.500 m2 do tác động các yếu tố vĩ mô, chính trị trong giai đoạn vừa qua nên cũng chưa có kế hoạch xây dựng toà nhà Kasati.

+ Nguồn lực CNTT còn hạn chế, chưa đồng hành cùng VNPT ở các dự án lớn cho khách hàng bên ngoài.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2031:

B1.1 Nhận định, đánh giá môi trường kinh doanh trong giai đoạn 2026-2031:

Ngành viễn thông và công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những lĩnh vực đóng vai trò hạ tầng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong việc phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng kết nối internet và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Theo số liệu thống kê, tổng doanh thu ngành viễn thông Việt Nam hiện đạt khoảng **140.000 – 150.000 tỷ đồng mỗi năm**, với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng **3–5%/năm**. Số lượng thuê bao di động đã đạt trên **130 triệu thuê bao**, cao hơn dân số cả nước, cho thấy thị trường viễn thông đang bước vào giai đoạn **bão hòa về thuê bao**.

Trong khi đó, lĩnh vực công nghệ thông tin tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhờ sự phát triển của **chuyển đổi số, thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây**. Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những thị trường công nghệ có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực Đông Nam Á

Nhà nước vẫn chiếm lĩnh thị trường viễn thông thông qua 03 nhà mạng có vốn góp nhà nước như: VNPT, Mobifone và Viettel. Mặc dù VNPT và Mobifone đang trong quá trình cổ phần hóa, nhưng dự báo nhà nước vẫn nắm cổ phần chi phối. Ba doanh nghiệp này chiếm phần lớn thị phần viễn thông di động tại Việt Nam. Trong đó, Viettel hiện là nhà mạng có thị phần lớn nhất, tiếp theo là VNPT và MobiFone.

Công nghệ 5G được xem là bước tiến quan trọng trong phát triển hạ tầng viễn thông tại Việt Nam. Hiện nay, các nhà mạng đã bắt đầu triển khai mạng 5G tại các đô thị lớn và sẽ nhanh phủ sóng toàn quốc trong thời gian 2-3 năm tới tạo nền tảng cho các ứng dụng công nghệ mới như: Internet vạn vật (IoT); thành phố thông minh; sản xuất công nghiệp thông minh; xe tự hành và hệ thống giao thông thông minh...

Sự phát triển của các dịch vụ số như: video trực tuyến; mạng xã hội; trò chơi trực tuyến; thương mại điện tử... đã làm cho nhu cầu sử dụng dữ liệu internet tăng mạnh. Lưu lượng dữ liệu di động trung bình của người dùng Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh trong những năm tới. Xu hướng này thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông đầu tư mở rộng hạ tầng mạng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp viễn thông đang chuyển đổi mô hình hoạt động từ **nhà cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống (Telco)** sang **nhà cung cấp dịch vụ công nghệ số (Techco)** (nhà cung cấp hạ tầng

số và nền tảng số quốc gia). Các lĩnh vực dịch vụ mới đang được tập trung phát triển bao gồm: điện toán đám mây; trung tâm dữ liệu; dịch vụ IoT; dịch vụ tài chính số; an toàn thông tin; nền tảng số cho doanh nghiệp và chính phủ..

Chính phủ Việt Nam cũng đang triển khai mạnh mẽ chương trình **chuyển đổi số quốc gia**, với mục tiêu xây dựng: chính phủ số; kinh tế số; xã hội số. Điều này tạo ra nhu cầu lớn về hạ tầng viễn thông, nền tảng công nghệ và dịch vụ CNTT

Từ năm 2026 trở đi, sau thành công của Đại hội 14, sự sắp xếp lại giang sơn, Việt nam đang đứng trước 1 thời khắc quan trọng khác của lịch sử, kỷ nguyên vươn mình của dất nước với bao nhiêu cơ hội và thách thức:

Mục tiêu của Việt Nam đến 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Tầm nhìn 2045: Nước phát triển, thu nhập cao.

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA:

- Mục tiêu 2030: "Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều linh vực quan trọng; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trinh độ quốc tế"

- Tầm nhìn 2045: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Với ngành thì theo như bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng phát biểu:

"Nhà mạng thế hệ mới không phải chỉ là Telco thuần túy mà phải là nhà cung cấp hạ tầng số và nền tảng số quốc gia". Nhà mạng truyền thống trong nhiều thập kỷ được định nghĩa là: xây dựng mạng lưới, cung cấp kết nối và phát triển thuê bao. Mô hình này đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong việc phổ cập thông tin liên lạc bằng điện thoại cho con người. Giai đoạn hiện nay chỉ cạnh tranh về giá và hạn chế các dịch vụ giá trị gia tăng, nhà mạng nếu tiếp tục thì chỉ được xem như là bán kết nối.

Với VNPT thì đã có một hình hài mới cho giai đoạn sắp tới:

- Chuyển từ Telco sang TechCo. (nhà cung cấp hạ tầng số và nền tảng số quốc gia)

- Nền tảng văn hóa mới của VNPT

Tầm nhìn 2035 Vnpt: "Đến năm 2035, VNPT trở thành trụ cột đổi mới sáng tạo, với tinh thần tiên phong trong hệ sinh thái số quốc gia, vươn tầm hàng đầu khu vực và hiện diện toàn cầu với các sản phẩm, dịch vụ, hạ tầng số mang đậm bản sắc Việt Nam".

Tóm lại:

- Viễn thông bước vào giai đoạn bão hòa về thuê bao, chuyển sang cạnh tranh chất lượng và dịch vụ;
- CNTT và chuyển đổi số tiếp tục tăng trưởng mạnh (Cloud, AI, IoT, Data);
- 5G trở thành hạ tầng nền cho các ứng dụng số;
- Doanh nghiệp viễn thông chuyển dịch từ Telco → TechCo;
- Chính phủ thúc đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tạo nhu cầu lớn về: (1) Hạ tầng số, (2) Nền tảng số, (3) Giải pháp số

B1.2 Các cơ hội và thách thức của Công ty trong giai đoạn 2026-2031:

a) Điểm mạnh:

- Có mục tiêu về tầm nhìn và chiến lược phát triển rất rõ ràng trong từng giai đoạn.
- Có nguồn lực rất mạnh về lĩnh vực viễn thông. Đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm qua các dự án lớn của ngành từ những ngày đầu thành lập, được đào tạo bởi các vendors lớn trên thế giới như Ericsson, Nokia, NEC, Huawei. Trang máy móc thiết bị chuyên dụng dồi dào và hiện đại, đáp ứng được nhu cầu trong kỹ nguyên công nghệ mới.
- Có mối quan hệ khách hàng rộng khắp. Thương hiệu Kasati được tin dùng bởi tất cả các nhà mạng lớn ở Việt Nam bao gồm trong và ngoài VNPT: VNPT, Viettel, Mobifone và một số sở ban, ngành.
- Là đối tác của các vendors lớn trên thế giới như Ericsson, Nokia, Huawei, ZTE…
- Có vị trí đắc địa tại phường Diên Hồng (trước là quận 10) Tp. HCM với 6500 m2 rất phù hợp xây tòa nhà Kasati làm trung tâm tích hợp các dịch vụ, giải pháp nền tảng số.

b) Điểm yếu:

- Chỉ mạnh về lĩnh vực viễn thông, mới về lĩnh vực CNTT: Nguồn lực đang bước đầu xây dựng và chưa có được nhiều mối quan hệ khách hàng.
- Nguồn vốn ít (vốn 60 tỉ) nên tính cạnh tranh không cao và gặp khó khi tham gia các dự án lớn.

- Chưa phát huy được vị trí đắc địa với diện tích 6.500 m2 tại quận 10 xây tòa nhà Kasati mới do chưa hoàn thiện pháp lý.

c) Cơ hội:

- Tiếp tục tham gia vào chuỗi giá trị lĩnh vực viễn thông trong giai đoạn sắp tới dựa trên nền tảng sẵn có.
- Tham gia từng bước vào lĩnh vực tích hợp nền tảng số rất tiềm năng: cung cấp (1) Phần cứng, (2) Phần mềm và (3) dịch vụ tích hợp.
- Tăng vốn để tăng tính cạnh tranh, tham gia dự án lớn, tăng trưởng quy mô.
- Hoàn thiện pháp lý lô đất, lập dự án xây tòa nhà Kasati.

d) Rủi ro:

- Khả năng thụt lùi và không tham gia được vào chuỗi giá trị mới lĩnh vực nền tảng số quốc gia nếu chậm xây dựng nguồn lực về con người và vốn.
- Bị truy thu và phát sinh thuế đất do lô đất chưa có pháp lý, chưa có hợp đồng thuê đất dài hạn.
- Cạnh tranh ngày càng lớn dẫn đến giá cả dịch vụ và sản phẩm ngày càng thấp, tỷ lệ lợi nhuận càng giảm trong khi các chi phí khó thay đổi theo kịp sự biến động của doanh số do công ty phần lớn là cung cấp dịch vụ theo dự án không có tính liên tục.
- Biến động về địa chính trị thế giới ngày càng lớn và không thể dự đoán dẫn đến rủi ro rất lớn về tỷ giá và giá đầu vào.

B1.3 Các mục tiêu và kế hoạch của Công ty trong giai đoạn 2026-2031:

a) Tầm nhìn đến 2030:

- Trở thành trụ cột trong hệ sinh thái số quốc gia: Nhà cung cấp hạ tầng số và tích hợp nền tảng số quốc gia cho các nhà mạng lớn trong nước.

b) Các mục tiêu cụ thể:

- Duy trì doanh số 600 – 800 tỉ/năm với 60% - 70% sản lượng là hạ tầng viễn thông, hạ tầng số và 20% - 30% sản lượng là tích hợp nền tảng số trong các năm 2026-2028, khuynh hướng sản lượng CNTT, số tăng dần chiếm tỷ trọng lớn vào các năm 2029-2030;
- Chuẩn bị tăng vốn: (1) từ 60 tỉ lên 120 tỉ giai đoạn 2026 – 2028 và (2) lên trên 200 tỉ giai đoạn 2029 – 2030;

- Hoàn thiện đội ngủ và thành lập nhóm chuyên gia từ tư vấn, thiết kế đến tích hợp hạ tầng và nền tảng số
- Kiện toàn pháp lý đất và xây dựng tòa nhà Kasati vào 2030.
- Đạt doanh số từ 1.000 tỉ vào năm 2029-2030.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tốc độ tăng trưởng BQ*
1	Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	773.400	850.700	935.800	1.029.400	1.132.300	10,00%
2	*Doanh thu ngoài VNPT*	*97.750*	*112.413*	*129.274*	*148.666*	*170.965*	*15,00%*
3	Lợi nhuận sau thuế	12.555	13.811	15.192	16.711	18.382	10,00%
4	Vốn CSH tính theo NĐ 87/TT 200 bình quân trong năm (Vốn điều lệ + quỹ ĐTPT/PTSX)	71.432	75.575	80.133	85.146	90.661	6,03%
5	ROE (%) với vốn CSH tính theo NĐ 87/TT 200	17,58%	18,27%	18,96%	19,63%	20,28%	3,75%
6	Cổ tức	12,00%	12,50%	13,00%	13,50%	14,00%	3,41%

+ Doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng ít nhất 10% qua mỗi năm

+ Tỷ suất ROE tăng qua các năm và không thấp hơn 17%.

+ Đảm bảo việc chia cổ tức đạt 12-14%/năm.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về kế hoạch SXKD giai đoạn 2026- 2031.

Kính trình.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu.*

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
---oOo---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---

TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án kinh doanh, tham dự thầu, ký kết hợp đồng

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Căn cứ điểm q, khoản 2, Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần KASATI đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2025 quy định:

"Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp gồm:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp."

Tổng tài sản của Công ty Cổ phần KASATI tại ngày 31/12/2025 là 359.625.585.105 VND. 35% tổng giá trị tài sản của KASATI tương đương: 125.868.954.787 VNĐ.

Từ nay đến 30/04/2027, Công ty Cổ phần KASATI dự kiến tham gia dự thầu các dự án bên dưới, ký kết hợp đồng (nếu trúng thầu) với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và các đơn vị trực thuộc, con của Tập đoàn VNPT:

Dự án 4G/5G

- Chủ đầu tư: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) hoặc đơn vị trực thuộc, con của VNPT
- Trị giá gói thầu dự kiến: 450 tỷ đồng
- Tỷ suất lãi gộp dự kiến: 1,5-2,5%
- Thời gian thực hiện dự kiến: 36 tháng
- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay ngân hàng theo điều kiện tín dụng của ngân hàng
- Nhà cung cấp: các đối tác nước ngoài và trong nước đáp ứng điều kiện thầu và của Công ty

Dự án 4G/5G MỞ RỘNG, XGSPON MỞ RỘNG, MANE MỞ RỘNG, HỆ THỐNG CORE

- Chủ đầu tư: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) hoặc đơn vị trực thuộc, con của VNPT
- Trị giá các gói thầu dự kiến: 500 tỷ đồng
- Tỷ suất lãi gộp dự kiến: 1,5-2,5%

  Thời gian thực hiện dự kiến: 36 tháng
- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay ngân hàng theo điều kiện tín dụng của ngân hàng
- Nhà cung cấp: các đối tác nước ngoài và trong nước đáp ứng điều kiện thầu và của Công ty

Dự án SITE ROUTER CSG, MÁY CHỦ...

- Chủ đầu tư: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) hoặc đơn vị trực thuộc, con của VNPT
- Trị giá các gói thầu dự kiến: 250 tỷ đồng
- Tỷ suất lãi gộp dự kiến: 1,5-2,5%
- Thời gian thực hiện dự kiến: 36 tháng
- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay ngân hàng theo điều kiện tín dụng của ngân hàng
- Nhà cung cấp: các đối tác nước ngoài và trong nước đáp ứng điều kiện thầu và của Công ty

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chấp thuận Công ty Cổ phần KASATI sẽ tham dự thầu, ký kết hợp đồng (nếu trúng thầu) và phương án kinh doanh của các dự án nêu trên. Việc triển khai chi tiết dự án sẽ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tiến hành.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302826473 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Phước Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026 – 2031 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

==========

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (Luật Doanh nghiệp) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kasati đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 24/04/2025;

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên HIội đồng Quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT), Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS) Công ty Cổ phần Kasati nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ), tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;
2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

ĐIỀU 2: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kasati năm 2026

1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đều được nhận một phiếu bầu cử HĐQT và một phiếu bầu cử BKS, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử;
2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử, Chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2026 – 2031

ĐIỀU 3: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại ĐHĐCĐ là 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 (năm) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 và Quy chế này, cụ thể như sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020. Cụ thể:
    - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
    - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;
    - Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
    - Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
    - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên HIội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% dến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

<u>ĐIỀU 4:</u> Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS được bầu tại ĐHĐCĐ là 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên BKS phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp năm 2020 và theo Quy chế này, cụ thể như sau:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;
- Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020 không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện

phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

<u>ĐIỀU 5:</u> Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT, BKS (01 bản gốc, theo mẫu); Biên bản họp nhóm cổ đông;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (01 bản gốc, theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ CMTND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);
- Bản sao hợp lệ bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Các văn bản chứng minh ứng viên đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

2. Thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS:

- Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm với điều kiện Ban tổ chức ĐHĐCĐ phải nhận được 02 ngày làm việc trước ngày diễn ra Đại hội. Hồ sơ gửi về:
  - Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Kasati
  - Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: 028.38655343; Fax: 028.38652487
- Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử tại Đại hội thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử/ứng cử cho Chủ tọa Đại hội để được xem xét.

3. Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026 - 2031

ĐIỀU 6: Phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS;
3. Cổ đông có thể sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một ứng cử viên;
4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép bầu của cổ đông đó.

ĐIỀU 7: Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, có dấu treo của Công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;
- Mỗi đại biểu tham dự Đại hội sau khi kiểm tra tư cách cổ đông sẽ được Ban tổ chức phát 02 (hai) phiếu bầu: một (01) Phiếu bầu Hội đồng Quản trị và một (01) Phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức.

2. Cách ghi phiếu bầu

Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
- Đại biểu có thể bầu dồn toàn bộ phiếu cho một ứng viên hoặc bầu số phiếu đều nhau/không đều nhau cho nhiều ứng viên. Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu".

Lưu ý:

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

Phiếu bầu hợp lệ khi có đủ điều kiện sau đây:

- Phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự;
- Phiếu bầu cho ứng viên trong danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu:

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra có đóng dấu treo của Công ty, tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng bút chì;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của đại biểu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong hòm phiếu;
- Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng viên nào;
- Phiếu vi phạm các quy định tại Quy chế này.

ĐIỀU 8: Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban bầu cử tuyên bố và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
2. Ban bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban bầu cử giám sát;
4. Việc kiểm phiếu phải được Ban bầu cử tiến hành tại khu vực tổ chức Đại hội ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban bầu cử phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

ĐIỀU 9: Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Đối với thành viên HĐQT: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên mà ĐHĐCĐ đã biểu quyết;
2. Đối với Kiểm soát viên của Ban kiểm soát: Người trúng cử Kiểm soát viên của Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên mà ĐHĐCĐ đã biểu quyết;
3. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

ĐIỀU 10: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử phải lập Biên bản kiểm phiếu;

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

b) Thành phần Ban bầu cử;

c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu;

d) Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;

e) Kết quả bầu cử;

f) Chữ ký của Thành viên Ban bầu cử.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban bầu cử công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

ĐIỀU 11: Giải quyết khiếu nại

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa ĐHĐCĐ giải quyết;
2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 12: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương, 12 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Kasati thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2026 và có hiệu lực kể từ khi thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN BẦU DỒN PHIẾU

Giả sử ĐHĐCĐ tiến hành bầu 5 thành viên HĐQT trong tổng số 6 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 100.000 cổ phần. Khi đó tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: **(100.000 x 5) = 500.000 quyền bầu cử.**

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

1. Dồn hết 500.000 quyền bầu của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT.
2. Chia đều 500.000 quyền bầu cho 05 ứng cử viên thành viên HĐQT (*tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 100.000 quyền bầu của cổ đông Nguyễn Văn A*).
3. Chia 500.000 quyền bầu của mình cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 500.000 quyền bầu cho từng ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn 500.000 quyền bầu của mình cho 5 ứng cử viên theo những tỷ lệ quyền bầu khác nhau nhưng tổng số quyền bầu cho những ứng viên đó không vượt quá 500.000 quyền bầu cử.

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu của Công ty.
- Tổng quyền bầu cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 500.000 quyền bầu.
- Số ứng viên cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 5 người.

Trường hợp, phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A không bầu ai cả thì được xem là phiếu trắng.

Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Tên cổ đông (tổ chức/cá nhân): ..... Mã cổ đông: .....

CMND/hộ chiếu số/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Hiện đang sở hữu/đại diện: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026 Công ty CP Kasati cho tôi/Công ty tôi được đề cử:

Ông (Bà): .....

CMND/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại liên hệ:.....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành:.....

Làm ứng cử viên tham gia bầu vào **Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát** Công ty Cổ phần Kasati nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng.

……., ngày …….. tháng …….. năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

GHI CHÚ:

1. Đơn đề cử, ứng cử cùng các tài liệu liên quan phải gửi về Ban Tổ chức trước 17h00 ngày 17/04/2026;
2. Người được đề cử, ứng cử phải có Đơn; Sơ yếu lý lịch; CMND/Hộ chiếu (bản chứng thực); văn bằng, chứng chỉ liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Nhóm cổ đông đề cử:

TT	Họ và tên	Số CMND/hộ chiếu/ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ, Điện thoại	Số cổ phần sở hữu (đại diện sở hữu)	Ký tên
1					
2					
3					
4					
	Tổng cộng:				

Nhất trí đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026 Công ty CP KASATI cho chúng tôi được đề cử:

Ông (Bà): .....

CMND/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Địa chỉ:.....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành:.....

Làm ứng cử viên tham gia bầu vào **Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát** Công ty Cổ phần Kasati nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng.

……., ngày …….. tháng …….. năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

GHI CHÚ:

1. Đơn đề cử, ứng cử cùng các tài liệu liên quan phải gửi về Ban Tổ chức trước 17h00 ngày 17/04/2026;
2. Người được đề cử, ứng cử phải có Đơn; Sơ yếu lý lịch; CMND/Hộ chiếu (bản chứng thực); văn bằng, chứng chỉ liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐƠN ỨNG CỬ

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

Tôi tên là: .....Mã cổ đông: .....

CMND/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026 Công ty CP Kasati cho tôi được tự ứng cử tham gia bầu vào **Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát** Công ty Cổ phần Kasati nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên **Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát**, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng.

……., ngày …….. tháng …….. năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

GHI CHÚ:

1. Đơn đề cử, ứng cử cùng các tài liệu liên quan phải gửi về Ban Tổ chức trước 17h00 ngày 17/04/2026;
2. Người được đề cử, ứng cử phải có Đơn; Sơ yếu lý lịch; CMND/Hộ chiếu (bản chứng thực); văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ THUẬT

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

Họ và tên: .....Nam, Nữ: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

CMND/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Số điện thoại liên hệ: Nhà riêng: ..... Di động: .....

Dân tộc: .....Tôn giáo: .....

Quốc tịch: .....

Trình độ học vấn: .....Ngoại ngữ: .....

Trình độ chuyên môn: .....Loại hình đào tạo: .....

Chuyên ngành đào tạo: .....

Quá trình công tác:

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Làm gì/Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú

Chức vụ, nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay: .....

Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát và các chức danh khác: .....

Các khoản nợ đối với công ty (nếu có): .....

Quan hệ với các cổ đông nội bộ của Kasati: .....

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty CP Kasati: ..... cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: ..... cổ phần

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần

Khen thưởng/kỷ luật (nếu có): .....

Tôi xin cam kết những thông tin khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……., ngày …….. tháng …….. năm 2026

Xác nhận
của chính quyền địa phương hoặc
thủ trưởng đơn vị công tác của người khai
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

CÔNG TY CP KASATI
---oOo---
Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---oOo---

TP.HCM, Ngày 17 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần KASATI;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần KASATI ngày 17 tháng 04 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026. Chi tiết Báo cáo đính kèm.

1.1 Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần KASATI với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH2025/KH2025	TH2025/TH2024
1	Doanh thu	Triệu VND	450.755	493.510	703.045	142,46%	155,97%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	13.006	13.900	14.404	103,63%	110,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	10.338	11.120	11.141	100,19%	107,77%
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu VND	67.368	67.368	67.665	100,44%	100,44%
5	Vốn cổ phần	Triệu VND	59.920	59.920	59.920	100,00%	100,00%
6	LNTT/Doanh thu	%	2,89%	2,82%	2,05%	72,74%	71,01%
7	LNST/Vốn CSH	%	15,35%	16,51%	16,46%	99,75%	107,29%
8	LNST/Vốn cổ phần	%	17,25%	18,56%	18,59%	100,19%	107,77%
9	Cổ tức	%	10,94%	11,84%	11,84%	100,00%	108,23%
10	Quỹ lương	Triệu VND	22.563	25.000	24.388	97,55%	108,09%
11	Đầu tư TSCĐ	Triệu VND	-	3.600	1.622	45,06%	

1.2 Thông qua kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiu	ĐVT	KH 2026	TH 2025	KH2026/TH2025
1	Doanh thu	Triệu VNĐ	775.000	703.045	110,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	15.850	14.404	110,04%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	12.300	11.141	110,40%
4	Vốn CSH	Triệu VNĐ	71.021	67.665	104,96%
5	Vốn cổ phần	Triệu VNĐ	59.920	59.920	100,00%
6	LNST/Vốn CSH	%	17,32%	16,46%	105,19%
7	LNST/Vốn cổ phần	%	20,53%	18,59%	110,40%
8	Cổ tức	%	12,00%	11,84%	101,35%
9	Quỹ lương	Triệu VNĐ	28.000	24.388	114,81%
10	Đầu tư	Triệu VNĐ	4.000	1.622	246,61%

Điều 2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

2.1 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

ĐVT: Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	+/-	Ghi chú
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**11.120.000.000**	**11.141.475.855**	**100,19%**	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	688.804.677	690.134.953	100,19%	Theo tỷ lệ đạt LNST, bằng tỷ lệ 2024
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.336.643.643	3.356.789.222	100,60%	30,13% LNST
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ**	**7.094.551.680**	**7.094.551.680**	**100,00%**	
6	**Vốn cổ phần**	**59.920.200.000**	**59.920.200.000**	**100,00%**	
7	Tỷ lệ cổ tức	11,84%	11,84%	100,00%	
8	Cổ tức phân phối dự kiến:	7.094.551.680	7.094.551.680	100,00%	
9	Lợi nhuận giữ lại	-	-		

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 = 688.804.677 đồng x 10.141.475.855 đồng/ 11.120.000.000 đồng = 690.134.953 đồng.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 11.141.475.855 x 30,12% = 3.356.789.222 đồng (giữ nguyên tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch phần còn lại trích vào quỹ đầu tư phát triển)
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: Sau khi trích các quỹ, toàn bộ lợi nhuận còn lại sẽ được phân phối bằng tiền: 7.094.551.680, đạt tỷ lệ cổ tức 11,84% và chiếm 63,67% lợi nhuận sau thuế.

2.2 Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

ĐVT: Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	+/-	Ghi chú
1	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**11.141.475.855**	**12.300.000.000**	**110,40%**	
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	690.134.953	761.897.260	110,40%	Theo tỷ lệ đạt LNST, bằng tỷ lệ 2024
3	Quỹ đầu tư phát triển	3.356.789.222	4.347.678.740	129,52%	35,35% LNST
5	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ**	**7.094.551.680**	**7.190.424.000**	**101,35%**	
6	**Vốn cổ phần**	**59.920.200.000**	**59.920.200.000**	**100,00%**	

7	**Tỷ lệ cổ tức**	**11,84%**	**12,00%**	**101,35%**	
8	Cổ tức phân phối dự kiến:	7.094.551.680	7.190.424.000	101,35%	

* Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 690.134.953 x 12.300.000.000/11.141.475.855 = 761.897.260 đồng

* Quỹ đầu tư và phát triển: 12.300.000.00 x 35,35% = 4.347.678.740 đồng (Sau khi chia cổ tức với tỷ lệ 12% toàn bộ lợi nhuận còn lại sẽ trích vào quỹ đầu tư và phát triển)

* Toàn bộ lợi nhuận giữ lại sẽ chia cổ tức dự kiến 12,00% bằng 101,35% so với 2025.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025. Chi tiết Báo cáo đính kèm.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025. Chi tiết Báo cáo đính kèm.

Điều 5. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần KASATI.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn 01 trong 03 Công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán năm 2026. Danh sách các công ty kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C (A&C)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)

Nếu ba (03) công ty kiểm toán trên không thỏa mãn các điều kiện của Công ty về thời gian, mức phí… Công ty được phép lựa chọn công ty kiểm toán khác được UBCKNN chấp thuận trong năm 2026.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích thưởng theo hiệu quả kinh doanh. Cụ thể như sau:

1. Thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

2. Thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

- Mức chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) Công ty năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 như sau:
- Tổng thù lao HĐQT & BKS được duyệt nếu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 575.000.000 VNĐ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% mức thù lao so mức kế hoạch năm 2025 nhưng tổng thù lao HĐQT và BKS tối đa không quá 20% quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của lao động quản lý chuyên trách trong Công ty (thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách). Trường hợp lỗ

không chi; nếu lợi nhuận nhỏ hơn kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận sau thuế giảm sẽ giảm thù lao 1% tương ứng.

- Lợi nhuận sau thuế đạt được 2025: 11.141.475.855 đồng. Đạt 100,19% so với kế hoạch (11.120.000.000 đồng).
- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thì thù lao được chi 2025: 575.000.000 đồng.
- Thực tế đã chi trong 2025: 575.000.000 đồng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Thù lao HĐQT, BKS năm 2026 dự kiến sẽ bằng: Thù lao năm 2025 x tỷ lệ LNST kế hoạch 2026/LNST thực hiện 2025: 575.000.000 x 12.300.000.000/ 11.141.475.855 = 634.800.000 đồng.
4. Tiền thưởng theo hiệu quả kinh doanh năm 2026:

- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% mức thù lao so mức kế hoạch năm 2026 nhưng tổng thù lao HĐQT và BKS tối đa không quá 30% quỹ tiền lương thực hiện năm 2026 của lao động quản lý chuyên trách trong Công ty (thành viên chuyên trách IIDQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).
- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% mức thù lao so mức hoàn thành kế hoạch năm 2026.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát. Chi tiết Tờ trình đính kèm.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về Phương án kinh doanh, tham dự thầu, ký kết hợp đồng. Chi tiết Tờ trình đính kèm.

Điều 9. Thông qua Biên bản kiểm phiếu và kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần KASATI nhiệm kỳ 2026-2031. Cụ thể như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1			Trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031
2			Trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031
3			Trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031
4			Trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031
5			Trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1			Trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031
2			Trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031
3			Trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

pĐiều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần KASATI thông qua toàn văn bản lúc …… ngày 17/04/2026. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP KASATI và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và Tên:

Số TT :

SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU/ ĐẠI DIỆN